

CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM)
-----o0o-----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT SƠN GỖ, SƠN GIÀY GIA, SƠN
CHỐNG SÉT, SƠN CHỊU NHIỆT VÀ DUNG MÔI PHA SƠN”
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI 30 M3/NGÀY.**

**Địa điểm: Khu phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân
Uyên, Tỉnh Bình Dương**

Bình Dương, năm 2024

CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM)

-----o0o-----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT SƠN GỖ, SƠN GIÀY GIA, SƠN
CHỐNG SÉT, SƠN CHỊU NHIỆT VÀ DUNG MÔI PHA SƠN”
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI 30 M3/NGÀY.**

**Địa điểm: Khu phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân
Uyên, Tỉnh Bình Dương**

**CHỦ DƯ ÁN:
CÔNG TY TNHH TIEN YU
ENTERPRISE (VIET NAM)**



Huang Kuo Lung

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY TNHH MÔI
TRƯỜNG LÊ GIA**



LÊ VĂN THẢO

Bình Dương, năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC HÌNH – HÌNH VẼ	iv
DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	vii
1. CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	8
1.1. Thông tin chủ cơ sở.....	8
1.2. Thông tin cơ sở.....	8
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	12
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	12
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	13
1.3.3. Quy trình sản xuất	13
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hoá chất, nguồn cung cấp điện và nước tại Cơ sở	14
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu	14
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện	16
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	16
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án	18
1.5.1. Hạng mục công trình của cơ sở.....	18
1.5.2. Vốn đầu tư	18
1.5.3. Tổ chức quản lý và sản xuất tại công ty	19
1.5.4. Danh mục máy móc, thiết bị	19
2. CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	21
2.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	21
2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường	22
3. CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	23
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	23
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	23

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	24
3.1.3. Xử lý nước thải.....	25
3.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	34
3.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	37
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	37
3.3.2. Chất thải rắn thông thường.....	38
3.3.3. Chất thải nguy hại.....	39
3.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	42
3.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	43
Trách nhiệm.....	47
Người phát hiện sự cố cháy.....	47
Người phát hiện sự cố cháy, nổ, tai nạn, sự cố khẩn cấp.	48
4. CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	51
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	51
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	51
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	51
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải	53
4.4.1. Khối lượng, thành phần chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường kiểm soát tại cơ sở.....	53
4.4.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:	54
4.4.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:	54
5. CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	55
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	55
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.....	56
5.3. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải trong quá trình lập báo cáo.....	56
6. CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	60
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	60
6.2. Chương trình quan trắc chất thải.....	61

Báo cáo đề xuất Cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giầy gia, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn”

Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải 30 m³/ngày

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	61
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	61
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	61
7. CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	62
8. CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN.....	63
9. PHỤ LỤC	64

DANH MỤC HÌNH – HÌNH VẼ

Hình 1.1. Vị trí cơ sở (Ảnh chụp google map)	10
Hình 1.2. Sơ đồ thể hiện tổng thể tứ cận.....	11
Hình 1.3. Vị trí dự án và các đối tượng xung quanh.....	11
Hình 1.4. Sơ đồ đường đi tới cơ sở	12
Hình 3.1 Thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở	23
Hình 3.2 Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở	25
Hình 3.3 Cấu tạo bể tự hoại	26
Hình 3.4 Sơ đồ thu gom nước thải tại cơ sở	27
Hình 3.5 Hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở	28
Hình 3.6 Hình ảnh hệ thống xử lý tại công ty.....	33
Hình 3.7 Sơ đồ quản lý chất thải sinh hoạt tại cơ sở.....	37
Hình 3.8 Hình ảnh thùng chứa chất thải sinh hoạt tại cơ sở	38
Hình 3.9 Hình ảnh thùng chứa rác thải và kho chứa chất thải công nghiệp thông thường tại công ty	39
Hình 3.10 Sơ đồ quản lý chất thải nguy hại tại cơ sở	41
Hình 3.11 Hình ảnh kho chứa CTNH của cơ sở	42
Hình 3.12 Hình ảnh kho chứa hóa chất và thiết bị PCCC tại cơ sở.....	46

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1 Công suất hoạt động của cơ sở	12
Bảng 1.2 Quy trình sản xuất tại công ty.....	13
Bảng 1.3 Nhu cầu sử dụng nguyên liệu tại cơ sở trong 1 năm	14
Bảng 1.4 Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở.....	16
Bảng 1.5 Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở	17
Bảng 1.6 Nhu cầu sử dụng nước tại dự án	17
Bảng 1.7 Hạng mục công trình Dự án.....	18
Bảng 1.8 Danh mục máy móc, thiết bị.....	19
Bảng 3.1 Các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa	23
Bảng 3.2 Các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải	25
Bảng 3.3 Bảng cân bằng nhu cầu cấp nước và lưu lượng nước thải phát sinh	25
Bảng 3.4 Thông số xây dựng các hạng mục hệ thống xử lý nước thải	29
Bảng 3.5 Bảng hóa chất dùng cho HTXL nước thải tại cơ sở	31
Bảng 3.6 Điện năng tiêu thụ của HTXL nước thải	32
Bảng 3.7 Nồng độ hơi dung môi phát sinh tại dự án theo tính toán	35
Bảng 3.8 Nồng độ hơi dung môi phát sinh tại dự án theo thực tế	35
Bảng 3.9 Các thông số kỹ thuật của biện pháp xử lý khí thải.....	36
Bảng 3.10 Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở	38
Bảng 3.11 Thành phần, khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở.....	40
Bảng 4.1 Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải....	51
Bảng 4.2 Giá trị giới hạn đối với và độ rung	52
Bảng 4.3 Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn	53
Bảng 4.4 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phải kiểm soát	53
Bảng 4.5 Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở	54
Bảng 5.1 Kết quả quan trắc môi trường nước thải năm 2022 tại công ty	55
Bảng 5.2 Kết quả quan trắc môi trường nước thải năm 2023 tại công ty	55
Bảng 5.3 Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực cổng năm 2023 tại công ty	56
Bảng 5.4 Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực nhà xưởng 1 năm 2023 tại công ty	56

Báo cáo đề xuất Cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giầy gia, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn”

Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải 30 m³/ngày

Bảng 5.5 Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực nhà xưởng 2 và nhà xưởng 3 năm 2022 tại công ty	57
Bảng 5.6 Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực cổng năm 2023 tại công ty	57
Bảng 5.7 Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực nhà xưởng 1 năm 2023 tại công ty	58
Bảng 5.8 Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực nhà xưởng 2 và nhà xưởng 3 năm 2023 tại công ty	58
Bảng 6.1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường	60
Bảng 6.2 Kế hoạch quan trắc và phân tích mẫu trong giai đoạn vận hành thử nghiệm	60
Bảng 6.3 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ tại cơ sở	61
Bảng 6.4 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	61

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ATLĐ	An toàn lao động
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	Bộ y tế
CTR	Chất thải rắn
CTNH	Chất thải nguy hại
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
HTXL	Hệ thống xử lý
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
UBND	Ủy ban nhân dân

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Thông tin chủ cơ sở

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam)
- Địa chỉ: Thửa đất số 250, Tờ bản đồ số 26, Khu phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Mã số thuế: 3700442746
- Số điện thoại: 0274.3652.068
- Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam) được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700442746 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 06 năm 2023.
- Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam) được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận đăng ký đầu tư số 5471805758 chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 03 tháng 08 năm 2023.

1.2. Thông tin cơ sở

- Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giầy gia, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn.
- Địa điểm thực hiện: Khu phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- “Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giầy gia, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn” của Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam) đã được Sở Khoa học – Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 47/KHCNMT ngày 24 tháng 03 năm 2003.
- Công văn số 2848/STNMT-MT ngày 08/10/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cấp Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại cho Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Việt Nam) với mã QLCTNH là 74.000550.T.
- Giấy phép xây dựng số 928/GPXD ngày 10/6/2010 của Sở Xây dựng Bình Dương cấp cho Công ty.
- Giấy phép xây dựng số 2015/GPXD-SXD ngày 30/10/2013 của Sở Xây dựng Bình Dương cấp.
- Giấy phép xây dựng số 906/GPXD-SXD ngày 05/04/2016 của Sở Xây dựng Bình Dương cấp.
- Giấy phép xây dựng số 325/GPXD ngày 25/01/2017 của Sở Xây dựng Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT03372 ngày 12/12/2012 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 26, thời hạn đến 25/7/2052, mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất kinh doanh, diện tích 41.508 m².

- Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam) đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước số 120/GP-STNMT ngày 29 tháng 07 năm 2020.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 185/TD-PCCC ngày 18/5/2010 được Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 468/TD-PCCC- P2 ngày 17/6/2016 được Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 195/TD-PCCC- P2 ngày 17/3/2016 được Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 52/TD-PCCC-P2 ngày 18/01/2017 được Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

- Công văn xác nhận nghiệm thu phòng cháy chữa cháy số 18/PCCC&CNCH ngày 18/01/2011 được Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương cấp.

- Công văn xác nhận nghiệm thu phòng cháy chữa cháy số 467/CSPC&CC- PS5 ngày 26/12/2017 được Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 2569/KĐ-PCCC ngày 20/10/2017 được Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

+ Ngành nghề đầu tư của cơ sở là “Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giầy gia, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn” căn cứ theo phụ lục II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc ngành sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường.

+ Ngành nghề đầu tư của cơ sở với tổng vốn đầu tư của cơ sở là 55.000.000.000 VNĐ (Năm mươi lăm tỷ Việt Nam đồng) căn cứ điểm b, khoản 5, điều 28 luật bảo vệ môi trường thì cơ sở thuộc nhóm C theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công (cơ sở có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đến dưới 1.000 tỷ theo Luật Đầu tư công) và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường môi trường, có phát sinh nước thải và chất thải nguy hại được quản lý theo quy định nên cơ sở thuộc danh mục các dự án nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại điểm b, khoản 5, điều 28, Luật Bảo vệ môi trường).

+ Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường

Cơ quan thẩm duyệt giấy phép môi trường: Cơ sở đã được Sở Khoa học – Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 47/KHCNMT ngày 24 tháng 03 năm 2003: Căn cứ điểm c, khoản 3, điều 41 Luật bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 của chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do đó cơ sở “Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giầy gia, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn” của Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt.

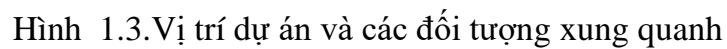
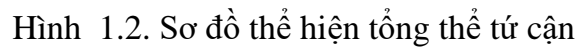
+ Công suất của dự án: Công suất hoạt động của cơ sở là sơn gỗ 1.000 tấn sản phẩm/năm, sơn giầy da 800 tấn sản phẩm/năm, sơn chống sét 1.200 tấn sản phẩm/năm, sơn chịu nhiệt 2.000 tấn sản phẩm/năm, dung môi pha sơn 1.500 tấn sản phẩm/năm.

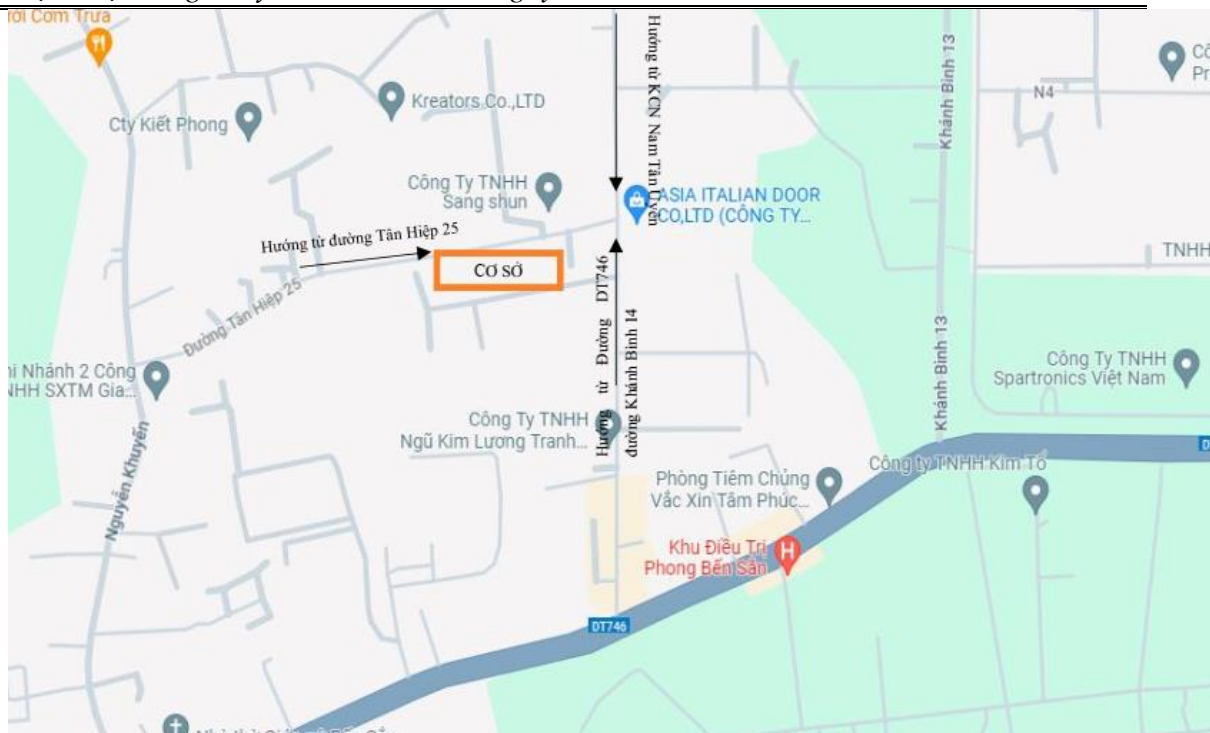
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT03372 ngày 12/12/2012 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 26, thời hạn đến 25/7/2052, mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất kinh doanh, diện tích 41.508 m². Với vị trí như sau.



Hình 1.1. Vị trí cơ sở (Ảnh chụp google map)

Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải 30 m³/ngày





Hình 1.4. Sơ đồ đường đi tới cơ sở

❖ **Vị trí địa lý:**

- Phía Bắc: Giáp Đường Tân Hiệp 25.
- Phía Nam: Giáp với Khu đất trống.
- Phía Đông: Giáp với đường Khánh Bình 14
- Phía Tây: Giáp với nhà xưởng Công ty khác.

Nhìn chung, xung quanh cơ sở có mật độ dân cư thưa thớt đa số là các doanh nghiệp hoạt động.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Sản phẩm tại cơ sở là: Sơn gỗ, sơn giày da, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn.

Công suất hoạt động của cơ sở là sơn gỗ 1.000 tấn sản phẩm/năm, sơn giày da 800 tấn sản phẩm/năm, sơn chống sét 1.200 tấn sản phẩm/năm, sơn chịu nhiệt 2.000 tấn sản phẩm/năm, dung môi pha sơn 1.500 tấn sản phẩm/năm.

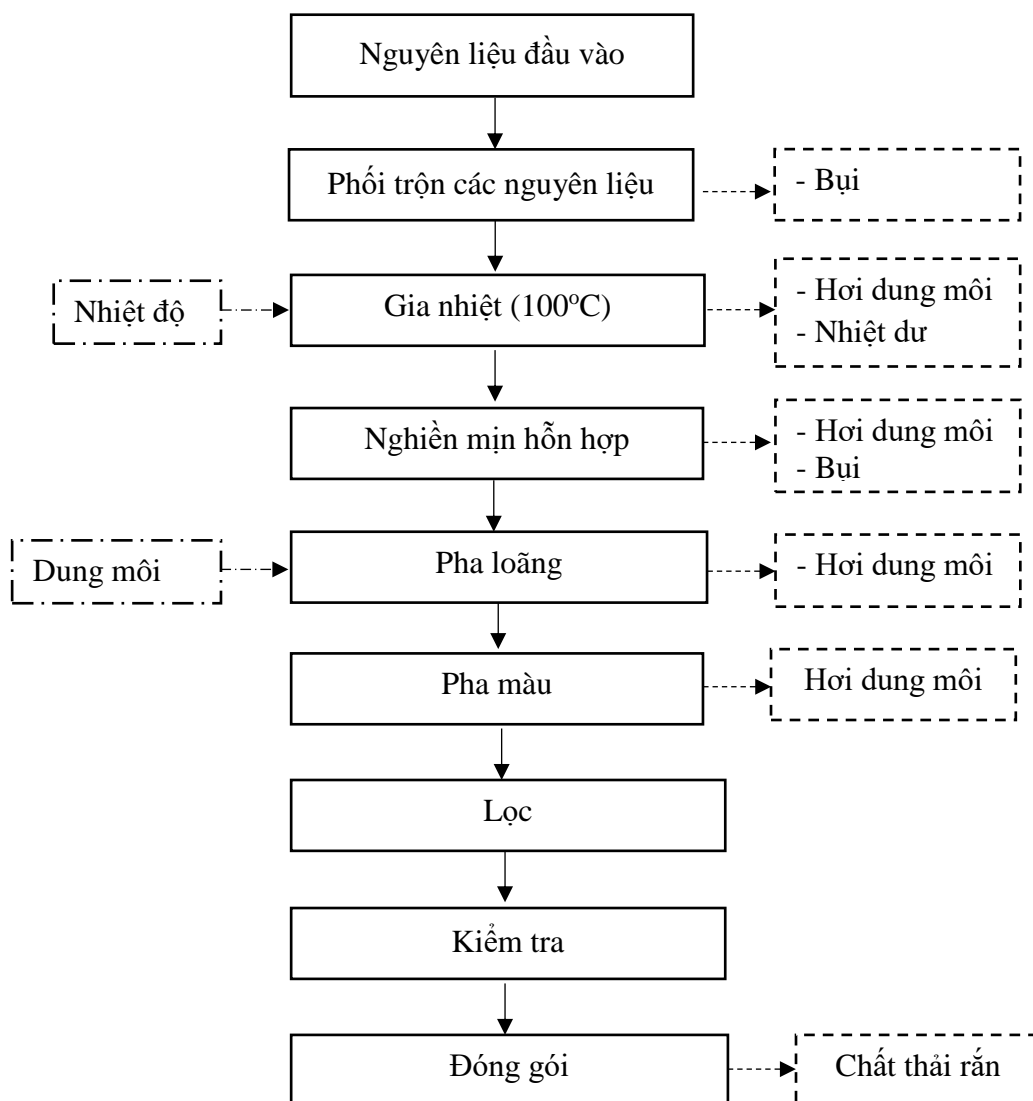
Bảng 1.1 Công suất hoạt động của cơ sở

STT	Sản phẩm	Tổng khối lượng/năm (Tấn)
1	Sơn gỗ	1.000
2	Sơn giày da	800

3	Sơn chống sét	1.200
4	Sơn chịu nhiệt	2.000
5	Dung môi pha sơn	1.500
TỔNG		6.500

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

1.3.3. Quy trình sản xuất



Bảng 1.2 Quy trình sản xuất tại công ty

❖ Thuyết minh quy trình:

Mô tả quy trình sản xuất

Sản phẩm sơn rất đa dạng, nhưng công nghệ sản xuất chủ yếu bao gồm các công đoạn chính như sau:

1. Nguyên liệu đầu vào: Nguyên liệu đầu vào của dự án được lấy từ các đối tác đã ký hợp đồng được các đối tác vận chuyển về công ty nhập kho để chuẩn bị cho quá trình sản xuất.

2. Công đoạn phối trộn

Trong công đoạn này, chất kết dính được cho vào các bồn phản ứng và được đồng nhất hóa bằng một máy khuấy cơ học dưới dạng một tuốc bin làm bằng thép chạy không ngừng với một tốc độ rất nhanh trong một bồn hình trụ. Trong khi khuấy, các chất bột màu, phụ gia sơn được cho thêm vào với chất kết dính và được phân tán ở tốc độ cao. Quá trình này nhằm tiêu hủy cơ học các chất keo tụ.

3. Gia nhiệt

Để tăng cường tốc độ phản ứng, nhiệt được cung cấp gián tiếp ở công đoạn này thông qua các ống hơi nóng từ lò hơi.

4. Công đoạn nghiền mịn hỗn hợp

Nếu sau công đoạn phân tán độ mịn của sản phẩm chỉ định không đạt yêu cầu, một máy nghiền nguyên tố vi lượng sẽ giúp cho quá trình phân tán các phần tử rắn hoàn chỉnh hơn.

5. Công đoạn pha loãng và pha màu

Sau khi độ phân tán của hỗn hợp đạt tiêu chuẩn quy định, chất kết dính và các chất phụ gia sẽ được bổ sung trong công đoạn này. Tùy theo yêu cầu màu của khách hàng mà màu sản phẩm cũng được trộn chung ở giai đoạn này.

6. Công đoạn lọc

Để tránh tình trạng vón cục hoặc dị vật trong sản phẩm. Bán thành phẩm sẽ được lọc qua một màng kim loại để tăng độ mịn, loại bỏ dị vật.

7. Công đoạn kiểm tra

Sau khi lọc, ở mỗi thùng sẽ lấy ra 125 ml mẫu sản phẩm để kiểm nghiệm về mặt chất lượng. Nếu sản phẩm chưa đạt yêu cầu thì các khiếm khuyết sẽ được sửa chữa bằng cách gia tăng độ nhớt hay điều chỉnh độ màu.

8. Công đoạn đóng gói

Sau khi đã được kiểm nghiệm đạt chất lượng, sơn thành phẩm sẽ được đóng vào các thùng kín trước khi xuất xưởng.

Cấu trúc quy mô nhỏ của Công ty cho phép một xưởng duy nhất có thể thực hiện tất cả các bước sản xuất của các loại sơn nói trên.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hoá chất, nguồn cung cấp điện và nước tại Cơ sở

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu

Bảng 1.3 Nhu cầu sử dụng nguyên liệu tại cơ sở trong 1 năm

TT	Tên hoá chất, NL sử dụng	Số lượng	Đơn vị	Xuất xứ
1	Dung môi (Toluence)	293	Tấn/năm	Việt Nam

Báo cáo đề xuất Cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giầy gia, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn”

Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải 30 m³/ngày

2	Dung môi (Xylene)	124	Tấn/năm	Việt Nam
3	Dung môi (Butyl acetate)	988	Tấn/năm	Việt Nam
4	Dung môi (Ethyl acetate)	165	Tấn/năm	Việt Nam
5	Dung môi (Iso Butyl acetate)	65	Tấn/năm	Việt Nam
6	Dung môi (Butyl alcohol)	60	Tấn/năm	Việt Nam
7	Dung môi (Acetone)	119	Tấn/năm	Việt Nam
8	Bột trắng (Titanium dioxide)	42	Tấn/năm	Việt Nam
9	Bột trơn (Talc powder)	50	Tấn/năm	Việt Nam
10	Chất hòa tan (Nitrocellulose)	100	Tấn/năm	Việt Nam
11	Hóa chất BCS	60	Tấn/năm	Việt Nam
12	Nhựa trong suốt PU (PU clear resin)	52	Tấn/năm	Việt Nam
13	Chất làm cứng PU (Hardener)	113	Tấn/năm	Việt Nam
14	Màu (Pigment)	25	Tấn/năm	Việt Nam
15	Chất nhuộm (Dyestuffs)	15	Tấn/năm	Việt Nam
16	Nhựa Alkyd (Alkyd Resin)	100	Tấn/năm	Việt Nam
17	Nhựa Amino (Amino Resin)	100	Tấn/năm	Việt Nam
18	Nhựa Malelic (Malelic Resin)	100	Tấn/năm	Việt Nam
19	Nhựa Polyester (Polyester Resin)	60	Tấn/năm	Việt Nam
20	Chất xúc tác PIS	25	Tấn/năm	Việt Nam
21	Chất làm bóng (Syloid)	46	Tấn/năm	Việt Nam
22	Phụ liệu (Additive)	32	Tấn/năm	Việt Nam
23	Dung môi khác (Thinner)	959	Tấn/năm	Việt Nam
24	DO	30	Tấn/năm	Việt Nam
25	NaOH	150	Kg/năm	Việt Nam
26	Chlorin	1.000	Kg/năm	Việt Nam
Tổng		3.724,15	Tấn/năm	

(Nguồn: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam))

Tất cả các loại hóa chất và nguyên vật liệu dùng trong sản xuất sơn tại Công ty có thể chia ra thành 4 nhóm chính như sau:

- + Các chất bột
- + Chất tạo kết dính
- + Dung môi
- + Các chất phụ gia

Công dụng của các thành phần kể trên như sau:

Các chất bột: Các chất bột có công dụng tạo cho sơn đặc tính thẩm mỹ (màu sắc) và khả năng bảo vệ. Các chất màu được dùng trong công nghệ sản xuất sơn là dioxit titan, oxít sắt và crôm, oxít kẽm, đen carbon, lam và xanh phtalocyanin, đỏ toludin và vàng kẽm. Ngoài ra còn một số các phụ gia như bột talc, mica, carbonat, cát và dioxit silic.

Chất kết dính: Có tác dụng tạo nên tính chất từng loại sơn và đặc tính chủ yếu của sản phẩm cuối cùng. Có 2 loại chất kết dính được dùng trong công nghệ sản xuất và chúng được phân biệt tùy theo loại tan trong nước (vinyllic, arcrylic) hay dung môi hữu cơ (alkyde, arcrylic, epoxy, polyurethane...) và các chất kết dính ở dạng cứng (arcrylic).

Dung môi: Có tác dụng tạo tính lỏng cần thiết cho sơn và tạo ra sự thuận tiện trong quá trình sử dụng. Dung môi được sử dụng phải phù hợp với chủng loại của chất kết dính: nước, các chất dẫn xuất hydro cacbua như xăng trắng, xylen, dung môi naphta hoặc các dung môi có oxy như keton, cồn, este.

Các chất phụ gia: Các chất phụ gia được đưa vào thành phần của sơn với liều lượng rất nhỏ, có tác dụng tạo cho sơn những đặc tính khác nhau như: dễ sản xuất (tác nhân phân tán), chất lượng sản phẩm trong thùng tốt hơn (tác nhân lưu giữ), dễ ứng dụng (tác nhân làm đặc), mau khô (chất làm khô), tác nhân chống tia cực tím làm tăng độ bền của sơn, tác nhân chống rêu, mốc, vi khuẩn, côn trùng, lửa....

Các hóa chất như dầu DO được sử dụng để chạy lò hơi, các hóa chất NaOH và Chlorin dùng để xử lý nước thải.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Điện được sử dụng chủ yếu chạy các máy móc thiết bị; máy nén khí, các thiết bị thắp sáng và xử lý môi trường trong khu vực hoạt động của cơ sở.

Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở theo số liệu thống kê tiền điện 3 tháng liên kế được thể hiện như sau:

Bảng 1.4 Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở

Tháng hoạt động	Số điện tiêu thụ	Đơn vị tính
Tháng 12/2023	4.150	Kwh/tháng
Tháng 01/2024	8.550	Kwh/tháng
Tháng 02/2024	7.600	Kwh/tháng
Trung bình	6.766	Kwh/tháng

(Nguồn: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam))

Nguồn cung cấp điện: Công ty điện lực Bình Dương. Ngoài ra, Cơ sở còn sử dụng 01 máy phát điện có công suất 625 kVA trong trường hợp mất điện.

Công ty đã đầu tư 01 trạm biến áp 250 KVA, từ hệ thống điện lưới thành phố Tân Uyên trên đường Tân Hiệp 25.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nước ở cơ sở dùng để phục vụ sinh hoạt của công nhân; nước vệ sinh thiết bị. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở theo số liệu thống kê tiền nước 3 tháng liền kề được thể hiện như sau:

Bảng 1.5 Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở

Tháng hoạt động	Số nước tiêu thụ/tháng	Số nước tiêu thụ/ngày	Đơn vị tính
Tháng 01/2024	59	2,36	m ³
Tháng 02/2024	108	4,32	m ³
Tháng 03/2024	80	3,2	m ³
Trung bình	82,3	3,29	m ³

(Nguồn: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam))

Lượng nước sử dụng từng công đoạn như sau

* *Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt* (15 m³/ngày)

Nước sinh hoạt phục vụ cho quá trình sinh hoạt của nhân viên tại cơ sở: vệ sinh cá nhân, rửa tay,...Cơ sở không nấu ăn mà đặt suất ăn công nghiệp ở ngoài.

Lượng nước cấp được tính theo công thức $Q_{sh} = (\text{số nhân viên}) \times (\text{tiêu chuẩn dùng nước})$.

Theo Bảng 4 TCVN 13606:2023 – Cấp nước-Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế thì tiêu chuẩn dùng nước của công nhân trong nhà máy là 25 lít/người/ca và hệ số không điều hòa giờ là 3 tương đương lượng nước sử dụng mỗi người là 75 lít/người/ca. Tổng số nhân viên đang làm việc tại cơ sở là 200 người. Nên lượng nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt tại cơ sở là $Q_{sh} = 200 \times 75 = 15.000$ (lít/ngày) ≈ 15 m³/ngày.

* *Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động rửa dụng cụ* (0,5 m³/ngày)

Cơ sở đã hoạt động từ năm 2002, theo số liệu thực tế từ cơ sở, trung bình mỗi ngày rửa dụng cụ cần 0,5 m³ nước.

Quá trình vệ sinh dụng cụ bao gồm: Cọ gạt, bồn phản ứng và máy khuấy sẽ được vệ sinh với tần suất 1lần/ngày. Quá trình vệ sinh được thực hiện như sau: Trước tiên công nhân sử dụng vải lau để vệ sinh sau khi đã được vệ sinh, làm sạch sơ bộ. Giẻ lau sẽ được công ty thu gom vào thùng chứa và đưa về khu chứa chất thải, định kỳ đơn vị có chức năng đến thu gom và đem đi xử lý. Sau khi vệ sinh bằng vải lau, công nhân sẽ vệ sinh lại bằng nước, lượng nước cấp cho quá trình vệ sinh này ước tính khoảng 0,5m³/ngày.

Ngoài ra cơ sở còn xây dựng bể nước PCCC thể tích 500 m³.

Nhu cầu sử dụng nước không kể PCCC tại công ty được thống kê cụ thể trong bảng sau:

Bảng 1.6 Nhu cầu sử dụng nước tại dự án

Báo cáo đề xuất Cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giày gia, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn”

Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải 30 m³/ngày

TT	Mục đích sử dụng	ĐVT	Số lượng	Khối lượng sử dụng (m ³ /ngày)
1	Nước sinh hoạt cho nhân viên	Người	200	15
2	Nước vệ sinh dụng cụ	-	-	0,5
	Tổng cộng			15,5

(Nguồn: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam))

Nguồn cung cấp nước: Nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của nhân viên và phục vụ cho sản xuất được lấy từ nguồn thủy cục do Chi Nhánh Cấp Nước Dĩ An-Công Ty Cổ Phần Nước - Môi Trường Bình Dương cung cấp.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

1.5.1. Hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở có tổng diện tích là 41.508 m². Quy hoạch sử dụng đất và các hạng mục công trình của cơ sở được trình bày như Bảng bên dưới:

Bảng 1.7 Hạng mục công trình Dự án

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Hiện trạng
I. Diện tích sử dụng xây dựng			2.666,74	8,31	
1	Nhà xưởng sản xuất	01	1.659,2	4	Đã xây dựng
2	Xưởng mở rộng	01	744,2	1,79	Đã xây dựng
3	Nhà nghỉ công nhân	01	211,94	0,51	Đã xây dựng
4	Nhà kho	01	675	1,63	Đã xây dựng
5	Nhà vệ sinh	01	37,1	0,09	Đã xây dựng
6	Nhà bảo vệ	01	13,3	0,03	Đã xây dựng
7	Nhà nén khí	01	19,8	0,05	Đã xây dựng
8	Đài nước, bể nước, nhà bơm	01	46	0,11	Đã xây dựng
9	Kho chứa CTNH	01	10	0,02	Đã xây dựng
10	Khu vực chứa chất thải thông thường	01	7	0,02	Đã xây dựng
12	Hệ thống xử lý nước thải	01	24	0,06	Đã xây dựng
II. Diện tích khác			38.060,46	91,69	
14	Sân, đường giao thông nội bộ, cây xanh, đất trống		38.060,46	91,69	Đã xây dựng
Tổng			41.508		

(Nguồn: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam))

1.5.2. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư của dự án là 55.000.000.000 VNĐ (Năm mươi lăm tỷ) Việt Nam đồng

Trong đó:

- + Vốn sở hữu quyền sử dụng đất: 10.000.000.000 VNĐ
- + Vốn xây dựng cơ bản: 20.000.000.000 VNĐ
- + Vốn trang bị máy móc, thiết bị: 9.00.000.000 VNĐ
- + Vốn khác bao gồm nguyên nhiên vật liệu, vốn lưu động...: 11.000.000.000 VNĐ
- + Vốn dự phòng: 5.000.000.000 VNĐ

Nguồn vốn được lấy từ nguồn vốn của chủ cơ sở và vay vốn.

Vốn điều lệ từ chủ cơ sở : 39.600.000.000 VNĐ

1.5.3. Tổ chức quản lý và sản xuất tại công ty

- Số lượng cán bộ, công nhân viên tại công ty gồm 200 người trong đó văn phòng có 26 người, trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất có 167 người, 7 người phụ trách lao công, tài xế, cơ điện.

- Số ngày sản xuất trong năm: 300 ngày (Trừ các ngày lễ, tết theo quy định)

- Số ca sản xuất trong ngày: 1 ca/ngày (ca 8 tiếng)

- Công ty không tổ chức nấu ăn tại công ty mà mua suất ăn công nghiệp từ bên ngoài.

- Công ty có 1 nhân sự phụ trách về môi trường và an toàn kiêm nhiệm trình độ cử nhân. Nhiệm vụ của nhân viên môi trường tại công ty là quản lý môi trường sản xuất và sản phẩm, giám sát các công trình bảo vệ môi trường, đảm bảo công ty luôn tuân thủ các yêu cầu pháp luật, ủy quyền tiếp các đoàn kiểm tra, đánh giá về an toàn và môi trường. Ngoài ra công ty còn hợp đồng thuê ngoài 01 nhân sự phụ trách vận hành hệ thống xử lý nước thải trình độ kỹ sư.

1.5.4. Danh mục máy móc, thiết bị

Các máy móc, thiết bị sử dụng cho cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.8 Danh mục máy móc, thiết bị

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tình trạng	Xuất xứ
1	Xe kéo tay áp lực dầu	Bộ	02	Mới 80%	Đài Loan
2	Cân	Bộ	21	Mới 90%	Đài Loan
3	Quạt hút gió	Bộ	24	Mới 95%	Đài Loan
4	Máy nghiền	Cái	06	Mới 90%	Đài Loan
5	Máy cán ép	Cái	04	Mới 80%	Đài Loan
6	Máy trộn sơn	Cái	05	Mới 80%	Đài Loan
7	Máy bơm	Cái	07	Mới 80%	Đài Loan
8	Máy lọc hơi nước	Cái	07	Mới 80%	Đài Loan
9	Ống hơi cao áp	m	4.000	Mới 90%	Đài Loan
10	Bồn inox	Cái	25	Mới 90%	Đài Loan

Báo cáo đề xuất Cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giầy gia, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn”

Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải 30 m³/ngày

11	Dụng cụ thí nghiệm	Bộ	03	Mới 90%	Đài Loan
12	Lò hơi 300 kg/h	Cái	01	Mới 90%	Đài Loan
13	Điện thoại	Cái	10	Mới 90%	Việt Nam
14	Tủ lạnh	Cái	03	Mới 90%	Việt Nam
15	Máy lạnh	Cái	10	Mới 90%	Việt Nam
16	Quạt đứng	Cái	10	Mới 80%	Việt Nam
17	Máy chấm công	Bộ	03	Mới 80%	Việt Nam
18	Máy vi tính	Bộ	15	Mới 80%	Việt Nam
19	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống	01	Mới 90%	Việt Nam
20	Máy in	Cái	03	Mới 80%	Việt Nam
21	Máy tính	Cái	05	Mới 80%	Việt Nam
22	Bàn làm việc và ghế	Bộ	20	Mới 80%	Việt Nam
23	Bàn họp và ghế	Bộ	01	Mới 80%	Việt Nam
24	Xe hơi 7 chỗ	Chiếc	03	Mới 90%	Việt Nam
25	Máy ổn áp	Cái	06	Mới 90%	Việt Nam
26	Máy phát điện 625 kVA	Cái	01	Mới 90%	Hàn Quốc
27	Quạt gió	Cái	03	Mới 80%	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam))

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Vị trí cơ sở Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam) hoạt động từ năm 2002 đến nay luôn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của Thành phố Tân Uyên, vị trí cơ sở thuộc quy hoạch cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam) được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận đăng ký đầu tư số 5471805758 chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 03 tháng 08 năm 2023.

- Hệ thống đường giao thông: Hệ thống giao thông thuận lợi cho việc đi lại từ Công ty đến các khu công nghiệp và đến các huyện xung quanh cũng như đến các tỉnh lân cận do:

- + Cách trung tâm thành phố Hồ chí minh 40km.
- + Cách cảng Sài Gòn 41 km.
- + Cách sân bay Tân Sơn nhất 39 km.
- + Cách trung tâm tỉnh Bình Dương 10 km.
- + Cách trung tâm tỉnh Đồng Nai 35 km.
- + Cách ICD Sóng Thần 20 km.
- + Cách cảng container Thạnh Phước 15 km.

- Hệ thống sông, suối, ao hồ: Xung quanh khu vực tiếp giáp với mương thoát nước khu vực, cách suối Cái với khoảng cách gần nhất 1 km – là nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của Công ty.

- Hệ thống đồi núi, khu di tích lịch sử: Địa hình khu vực xung quanh dự án tương đối bằng phẳng, không có các đồi núi, xung quanh khu vực dự án không có khu bảo tồn thiên nhiên.

Các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh khu vực dự án:

1. Khu dân cư, khu đô thị: Nhà xưởng Công ty đã đi vào hoạt động sản xuất thuộc Khu phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp. Do đó, việc đầu tư dự án là hoàn toàn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương. Dự án hình thành với quy mô nhà xưởng sản xuất là 41.508 m², vẫn đang giải quyết công ăn việc làm nhiều người dân trong khu vực, tăng thu nhập cho người dân, đồng thời tạo ra thêm nhiều sản phẩm cho xã hội. Bên cạnh đó, đóng góp thêm ngân sách và đẩy nhanh tiến độ công nghiệp hóa cho Thành phố Tân Uyên nói riêng và tỉnh Bình Dương nói chung.

2. Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam) có vị trí địa lý thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh do gần tuyến đường ĐT746 do vậy việc giao thương của công ty tương đối thuận lợi.

3. Các đối tượng sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Khu vực tọa lạc của dự án chủ yếu là các Công ty, nhà máy, xí nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh tập trung...

4. Hiện trạng cơ sở hạ tầng: Hiện trạng tiêu thoát nước ở khu vực này rất tốt, không xảy ra tình trạng ngập úng. Các tuyến đường xung quanh có cơ sở hạ tầng tiện ích công cộng như đường giao thông, mạng lưới điện, viễn thông được xây dựng hoàn thiện.

5. Điều kiện tự nhiên:

+ Hướng gió chủ đạo khu vực dự án là Đông và Đông Bắc, do vậy môi trường không khí tại khu vực phía Tây và Tây Nam sẽ chịu ảnh hưởng lớn nhất. Tại khu vực phía Tây và Tây Nam Công ty hiện tại tiếp giáp với giáp với khu đất trống và nhà xưởng của đơn vị khác. Cơ sở đã đi vào hoạt động đã lâu, đã trang bị nhà xưởng có tường cao, khép kín tạo khoảng cách cách ly với các khu vực tiếp giáp để khi các khu đất kế cận có Công ty xây dựng sản xuất. Cơ sở chưa nhận được phản nản từ người dân cũng như các công ty lân cận.

6. Các đối tượng kinh tế, xã hội:

Dự án cách xa trường học, chợ, trung tâm thương mại, khu di tích lịch sử...

Vì vậy, địa điểm thực hiện cơ sở hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội và quy hoạch của địa phương.

2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở được thu gom bằng bể tự hoại sau đó dẫn về HTXL nước thải tập trung của Công ty. Định kỳ chất thải từ nhà vệ sinh sẽ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động vệ sinh thiết bị được thu gom và xử lý bằng HTXL tập trung công suất 30 m³/ngày.đêm của công ty. Hiện tại, nước thải tại cơ sở được thu gom xử lý và đầu nối vào hệ thống mương thoát nước trên đường Tân Hiệp 25.

- Khí thải: Khí thải phát sinh tại cơ sở là từ lò hơi. Tuy nhiên, công ty sử dụng nguyên liệu là lò hơi DO nên đảm bảo không vượt các giới hạn quy định.

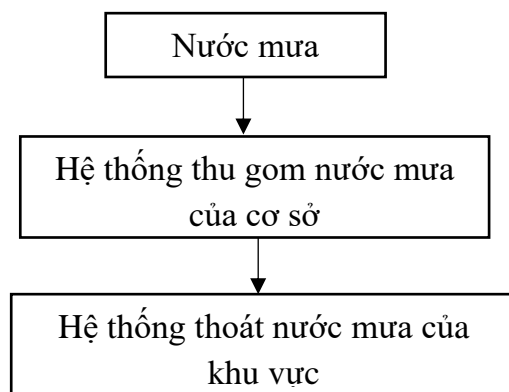
Vậy, hoạt động của cơ sở hoàn toàn nằm trong khả năng chịu tải của môi trường cũng như nguồn tiếp nhận chất thải.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải.
- Hệ thống mương thu gom nước mưa được đặt theo các trục đường nội bộ của cơ sở để thu gom nước mưa từ mái công trình và mặt đường, sau đó đầu nối vào hệ thống cống thoát nước của khu vực trên đường Tân Hiệp 25.
- Nước mưa từ mái nhà chảy theo độ dốc của mái xuống mặt đường nội bộ cơ sở và chảy vào hệ thống mương thu gom. Hệ thống mương thoát nước mưa được làm bằng bê tông cốt thép đường kính D300, chiều dài 245,6m.
- Vị trí, phương thức thoát nước mưa và vị trí nguồn tiếp nhận nước mưa:
 - + Phương thức thoát nước mưa: Tự chảy.
 - + Vị trí thoát nước mưa: Tại 01 vị trí vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực trên đường Tân Hiệp 25. Vị trí cuối cùng tiếp nhận nước mưa của dự án trước khi thải ra môi trường được bố trí hồ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí điểm thoát nước mưa đặt ngoài khuôn viên cơ sở ngay tại phía Bắc của cơ sở và có gắn biển báo "Điểm thoát nước mưa của Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam)".
- Nước mưa tại cơ sở được thu gom theo sơ đồ như sau:



Hình 3.1 Thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở

Bảng 3.1 Các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa

TT	Tên vật tư và quy cách	Thông số kỹ thuật	Khối lượng
----	------------------------	-------------------	------------

1	Hệ thống thu gom nước mưa trên mái nhà	Mái thiết kế có độ dốc 28,7% giúp nước mưa được thu gom triệt để về máng thu nước Máng thu nước 0,2 x 0,3m. Chiều dài máng thu nước = chiều dài khu nhà + 1m. Ống uPVC D90 thoát nước mái, dài 200m.	Hệ thống
2	Mương thu gom và thoát nước mưa trong khu vực nhà máy	Cống thu gom D300 mm, độ dốc i=1%	459 m
3	Hố Gas thu gom nước mưa	Kích thước: 1000mm x 1800mm	07 Hố

Nguồn: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam)

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải phát sinh tại Cơ sở gồm nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân (từ 01 nhà vệ sinh) và nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ.

❖ Thu gom nước thải sinh hoạt

- Tách riêng và đấu nối độc lập hệ thống thu gom nước mưa và nước thải.
- Nước thải sinh hoạt tại Cơ sở được thu gom như sau:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh và rửa tay chân: Nước tiểu và phân từ bồn cầu, nước thải từ hoạt động rửa được thu gom về 01 bể tự hoạt 3 ngăn (dung tích 30 m³) bằng đường ống uPVC Ø100 và uPVC Ø150 dài 110m. Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường.

❖ Thu gom nước thải từ quá trình rửa dụng cụ.

- Nước thải từ công đoạn vệ sinh dụng cụ được thu gom bằng hệ thống ống uPVC Ø150 và Ø200 dài 15m về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở. Sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu vực.

❖ Công trình thoát nước thải:

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A được dẫn về hệ thống thoát nước thải của công ty bằng cống thoát nước BTCT Ø300 dài 117m.

❖ Điểm xả thải sau xử lý:

Nước thải sau hệ thống xử lý được thu gom và thoát ra 01 hố ga đấu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực trên đường Tân Hiệp 25. Tọa độ (X= 1222422.87; Y= 607808.43). Hố ga cuối cùng tiếp nhận nước thải của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hố ga đặt ngoài khuôn viên cơ sở ngay tại phía Đông của cơ sở.

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A hoàn toàn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải.

Nguồn tiếp nhận nước thải: đường Tân Hiệp 25 → suối Cái → sông Đồng Nai (khoảng cách từ Công ty đến suối Cái là 1km)

Bảng 3.2 Các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Kết cấu
1	Ống uPVC Ø100 và uPVC Ø150 thu gom nước thải sinh hoạt	m	110	Nhựa uPVC Ø100 và uPVC Ø150, dày 2,5 mm
2	Hệ thống ống uPVC Ø150 và Ø200 thu gom nước thải sản xuất	m	15	Nhựa uPVC Ø150 và Ø200, dày 2,5 mm
5	Ống BTCT Ø300, thoát nước thải	m	117	Ống BTCT Ø300, độ dốc I = 0,25%

3.1.3. Xử lý nước thải

Căn cứ vào lượng nước tiêu thụ thì lượng nước thải phát sinh hàng ngày tại công ty như sau:

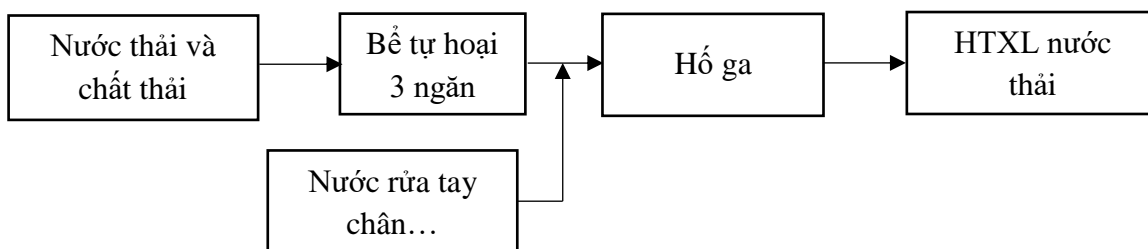
Bảng 3.3 Bảng cân bằng nhu cầu cấp nước và lưu lượng nước thải phát sinh

TT	Mục đích sử dụng	Đầu vào	Đầu ra	Ghi chú
1	Nước sinh hoạt cho nhân viên	15	15	NT = 100% NC
2	Nước rửa dụng cụ	0,5	0,5	NT = 100% NC
	Tổng cộng	15,5	15,5	

(Nguồn: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam))

a. Nước thải sinh hoạt

Số lượng công nhân làm việc và sinh hoạt tại cơ sở hiện tại là 200 người. Nhu cầu sử dụng nước là 15 m³/ngày thì lượng nước thải ra là 15 m³/ngày (tính bằng 100% nước cấp vào). Toàn bộ nước thải sinh hoạt của Cơ sở được xử lý theo quy trình sau:



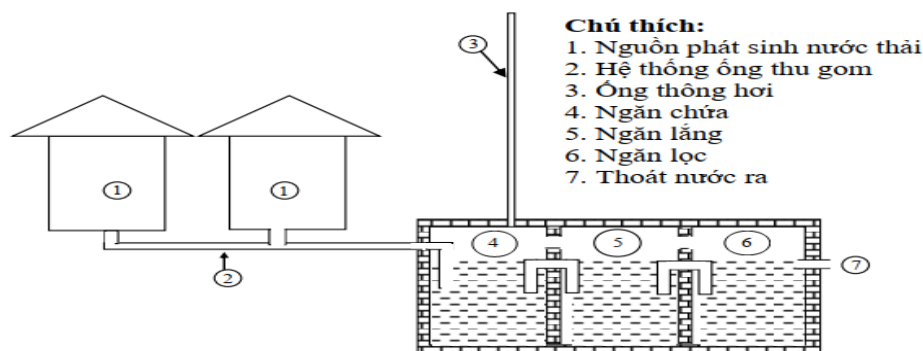
Hình 3.2 Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở

Thuyết minh quy trình

Nước thải sinh hoạt sẽ chảy vào bể tự hoại với thời gian lưu nước 3 – 6 ngày, 90% - 92% các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể, phần nước thải trên ngăn chứa sẽ được chảy tràn qua ngăn lắng.

Qua thời gian 3 – 6 tháng, cặn lên men yếm khí. Qua trình lên men diễn ra trong giai đoạn đầu chủ yếu là lên men axit. Khi cặn bị phân huỷ, một phần nổi lên trên được gọi là màng nổi, một phần cặn bị nén đến độ ẩm 84% – 90 % bị thổi rửa và ở đáy xảy ra quá trình lên men. Kết quả của quá trình này là các bọt khí nổi lên kéo theo các hạt cặn và bám dính vào màng nổi làm tăng chiều dày của màng. Các chất khí tạo nên trong quá trình phân huỷ như CH₄, CO₂, H₂S, ... sẽ thoát ra theo ống dẫn khí.

Một số hạt lơ lửng còn sót lại sẽ theo nước từ ngăn chứa chảy sang ngăn lắng và tiếp tục được phân huỷ tại đây, sau đó nước lại chảy sang ngăn lọc và được lọc ngược qua 3 lớp vật liệu lọc là sỏi – than – sỏi (hoặc cát), cuối cùng thoát ra ngoài qua ống dẫn đưa về hố ga thu gom. Bùn trong bể tự hoại sẽ được lấy ra định kỳ bởi đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Mỗi lần lấy cặn bùn phải để lại 20% lượng cặn trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lên men. Nước thải sinh hoạt được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty quy mô 30 m³/ngày để đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A sau đó được thoát ra đường Tân Hiệp 25 chảy ra suối Cái cách dự án 1km về phía Tây, sau đó đổ ra sông Đồng Nai.



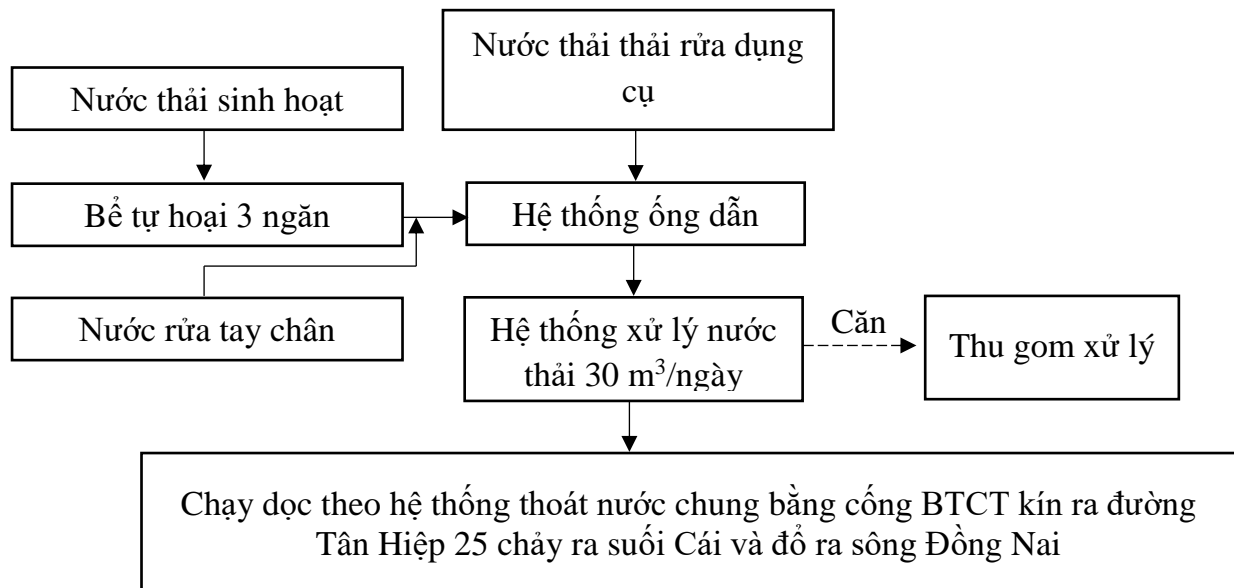
Hình 3.3 Cấu tạo bể tự hoại

b. Nước thải rửa dụng cụ

Cơ sở đã hoạt động từ cuối năm 2002, theo số liệu thực tế từ cơ sở, trung bình mỗi ngày rửa dụng cụ cần 0,5 m³ nước.

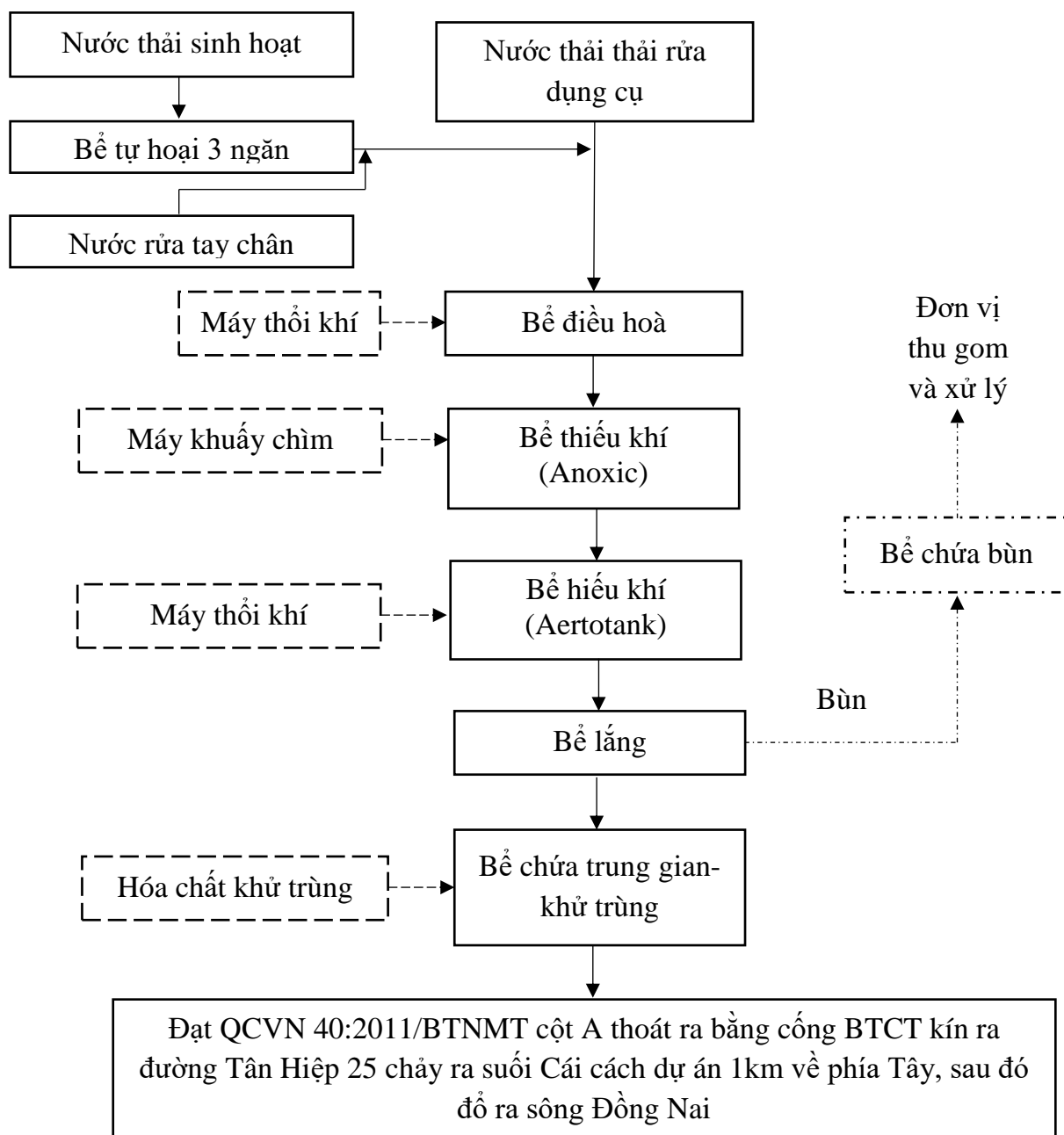
Quá trình vệ sinh dụng cụ: Cọ gạt, bồn phản ứng và máy khuấy sau khi sử dụng sẽ được vệ sinh với tần suất 1 lần/ngày. Quá trình vệ sinh được thực hiện như sau: Trước tiên công nhân sử dụng vải lau để vệ sinh cọ gạt, bồn phản ứng và máy khuấy sau khi đã được vệ sinh, làm sạch sơ bộ. Giẻ lau sẽ được công ty thu gom vào thùng chứa và đưa về khu chứa chất thải, định kỳ đơn vị có chức năng đến thu gom và đem đi xử lý. Sau khi vệ sinh bằng vải lau, công nhân sẽ vệ sinh lại bằng nước, lượng nước cấp cho quá trình vệ sinh này ước tính khoảng 0,5m³ /lần.

Tổng khối lượng nước thải sản xuất phát sinh tại cơ sở khoảng 0,5 m³/ngày. Nước thải tại cơ sở hiện tại được thu gom và xử lý chung với nước thải sinh hoạt sau đó đầu nối với cống thoát nước trên đường Tân Hiệp 25 theo sơ đồ như sau:



Hình 3.4 Sơ đồ thu gom nước thải tại cơ sở

Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty quy mô 30 m³/ngày để đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A sau đó được thoát ra đường Tân Hiệp 25 chảy ra suối Cái cách dự án 1km về phía Tây, sau đó đổ ra sông Đồng Nai. Quy trình xử lý nước thải như sau:



Hình 3.5 Hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở

Thuyết minh quy trình xử lý

Công nghệ được áp dụng cho hệ thống xử lý là: dựa vào đặc thù của nước thải phát sinh tại các nguồn thải và các thông số thiết yếu, phương pháp xử lý bằng sinh học sẽ được chọn để áp dụng cho quy trình xử lý là chủ yếu.

Nước thải từ các nguồn phát sinh và nước thải từ sinh hoạt được dẫn về bể thu gom nước thải sinh hoạt trước khi được lên lên bể điều hòa.

Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải. Tại bể điều hòa có lắp hệ thống sục khí và cấp bùn sinh học nhằm giúp hòa trộn đồng đều nước thải trên

toàn bộ diện tích bề và tiếp xúc với bùn sinh học. Điều này nhằm mục đích ngăn ngừa hiện tượng lắng cặn ở đáy bể gây ra mùi khó chịu và ổn định nồng độ của nước thải.

Nước thải từ bể điều hòa được bơm sang bể thiếu khí (Anoxic), tại đây có các bơm khuấy trộn nước thải và bộ bơm hóa chất điều chỉnh pH, tại đây sẽ dẫn đến quá trình nitrat hóa để xử lý nitơ có trong nước thải.

Nước thải từ bể thiếu khí sẽ chảy sang bể Aerotank. Bể Aerotank có tác dụng phân hủy các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải bằng phương pháp sinh học. Tại bể Aerotank có lắp hệ thống sục khí nhằm cung cấp oxi cho hoạt động của vi sinh vật trong bể để đảm bảo cho quá trình phân hủy sinh học các chất hữu cơ.

Nước từ bể Aerotank được dẫn qua bể lắng sinh học, tại đây vi sinh vật sẽ được lắng xuống đáy và được bơm chìm tuần hoàn về bể Anoxic và Aerotank, phần bùn dư được bơm bỏ vào bể chứa bùn. Phần nước sạch bên trên được chảy tràn qua bể khử trùng.

Tại bể khử trùng thì hóa chất khử trùng được thêm vào để loại bỏ các vi sinh vật.

Nước từ bể khử trùng chảy ra cống thoát nước thải khu vực đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT.

*** Phương án xả nước thải vào nguồn nước:**

Đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định với điểm xả thải:

Theo kết quả quan trắc nước thải tại công ty năm 2022 và 2023 (Tại chương V báo cáo) cho thấy nước thải tại công ty có nồng độ ô nhiễm thấp hơn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A. Các nồng độ ô nhiễm trong nước thải ổn định nên hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật quy định đối với điểm xả nước thải.

Nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A sẽ được dẫn xả ra ngoài môi trường mượn thoát nước khu vực với cống thoát nước BTCT có kích thước D=300mm, chiều dài khoảng 117m lưu lượng xả thải tối đa là 5m³/ngày. Sau đó theo đường Tân Hiệp 25 chảy ra suối Cái cách dự án 1km về phía Tây, tiếp tục đổ ra sông Đồng Nai.

*** Tổng hợp khối lượng các hạng mục trong HTXL**

Bảng 3.4 Thông số xây dựng các hạng mục hệ thống xử lý nước thải

Stt	Hạng mục	Thiết kế
1	Bể điều hòa	DxRxH = 2000x2000x3500 (mm) Vật liệu: Bồn sắt dày 3mm, có tăng cứng, sơn Epoxy 2 lớp cả trong và ngoài. Số lượng: 01 bể Bơm định lượng NaOH: 02 cái

		<p>Lưu lượng: 30 lít/h Cột áp: 1 bar Công suất: 220 W Điện áp: 220V, 50Hz</p>
2	Bể thiếu khí (Anoxic)	<p>DxRxC = 2000x2000x3500 (mm) Vật liệu: Bồn sắt dày 3mm, có tăng cứng, sơn Epoxy 2 lớp cả trong và ngoài. Số lượng: 01 bể Thiết bị bố trí tại bể: Motor khuấy trộn: 2 cái Tốc độ: 1/50 Công suất: 1 Hp Điện áp: 380V, 50Hz Bơm chìm nước thải: 1 cái Lưu lượng: 320 L/phút Cột áp: 8m Công suất: 0,5Hp Điện áp: 380V, 50Hz Bơm định lượng NaOH: 01 cái Lưu lượng: 30 lít/h Cột áp: 1 bar Công suất: 220 W Điện áp: 220V, 50Hz</p>
3	Bể hiếu khí (Aertotank)	<p>DxRxC = 2000x4000x3500 (mm) Số lượng: 01 bể Vật liệu: Bồn sắt dày 3mm, có tăng cứng, sơn Epoxy 2 lớp cả trong và ngoài. Thiết bị bố trí tại bể: Bơm chìm nước thải: 1 cái Lưu lượng: 320 L/phút Cột áp: 8m Công suất: 0,5Hp Điện áp: 380V, 50Hz Máy thổi khí: 02 cái Lưu lượng: 475 m³/h Tốc độ: 2800 r/min Công suất: 5,5Hp Điện áp: 380V, 50Hz</p>
4	Bể lắng	<p>DxRxC = 2000x2000x3500 (mm) Vật liệu: Bồn sắt dày 3mm, có tăng cứng, sơn Epoxy 2 lớp cả trong và ngoài.</p>

		<p>Số lượng: 01 bể</p> <p>Thiết bị bố trí tại bể:</p> <p>Bơm chìm nước thải: 01 cái</p> <p>Lưu lượng: 320 L/phút</p> <p>Cột áp: 8m</p> <p>Công suất: 0,5Hp</p> <p>Điện áp: 380V, 50Hz</p>
5	Bể trung gian-khử trùng	<p>D1xR1xC1 = 1000x1000x3500 (mm)</p> <p>D2xR2xC2 = 1000x1000x3500 (mm)</p> <p>Vật liệu: Bồn sắt dày 3mm, có tăng cứng, sơn Epoxy 2 lớp cả trong và ngoài.</p> <p>Số lượng: 01 bể (chung vách ngăn)</p> <p>Thiết bị bố trí tại bể:</p> <p>Bơm chìm nước thải: 01 cái</p> <p>Lưu lượng: 320 L/phút</p> <p>Cột áp: 8m</p> <p>Công suất: 0,5Hp</p> <p>Điện áp: 380V, 50Hz</p> <p>Bơm định lượng Chlorin: 01 cái</p> <p>Lưu lượng: 30 lít/h</p> <p>Cột áp: 1 bar</p> <p>Công suất: 220 W</p> <p>Điện áp: 220V, 50Hz</p>
6	Bể chứa bùn	<p>DxRxC = 1000x2000x3500 (mm)</p> <p>Vật liệu: Bồn sắt dày 3mm, có tăng cứng, sơn Epoxy 2 lớp cả trong và ngoài.</p> <p>Số lượng: 01 bể</p> <p>Thiết bị bố trí tại bể:</p> <p>Bơm chìm nước thải: 01 cái</p> <p>Lưu lượng: 320 L/phút</p> <p>Cột áp: 8m</p> <p>Công suất: 0,5Hp</p> <p>Điện áp: 380V, 50Hz</p>

*** Định lượng hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải:**

Bảng 3.5 Bảng hóa chất dùng cho HTXL nước thải tại cơ sở

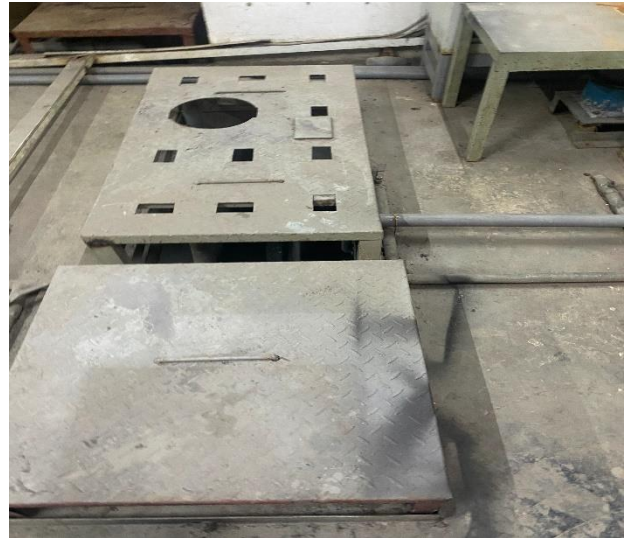
STT	Tên hoá chất	Khối lượng sử dụng (kg/ngày)
1	NaOH	0,5
2	Javel	3,3

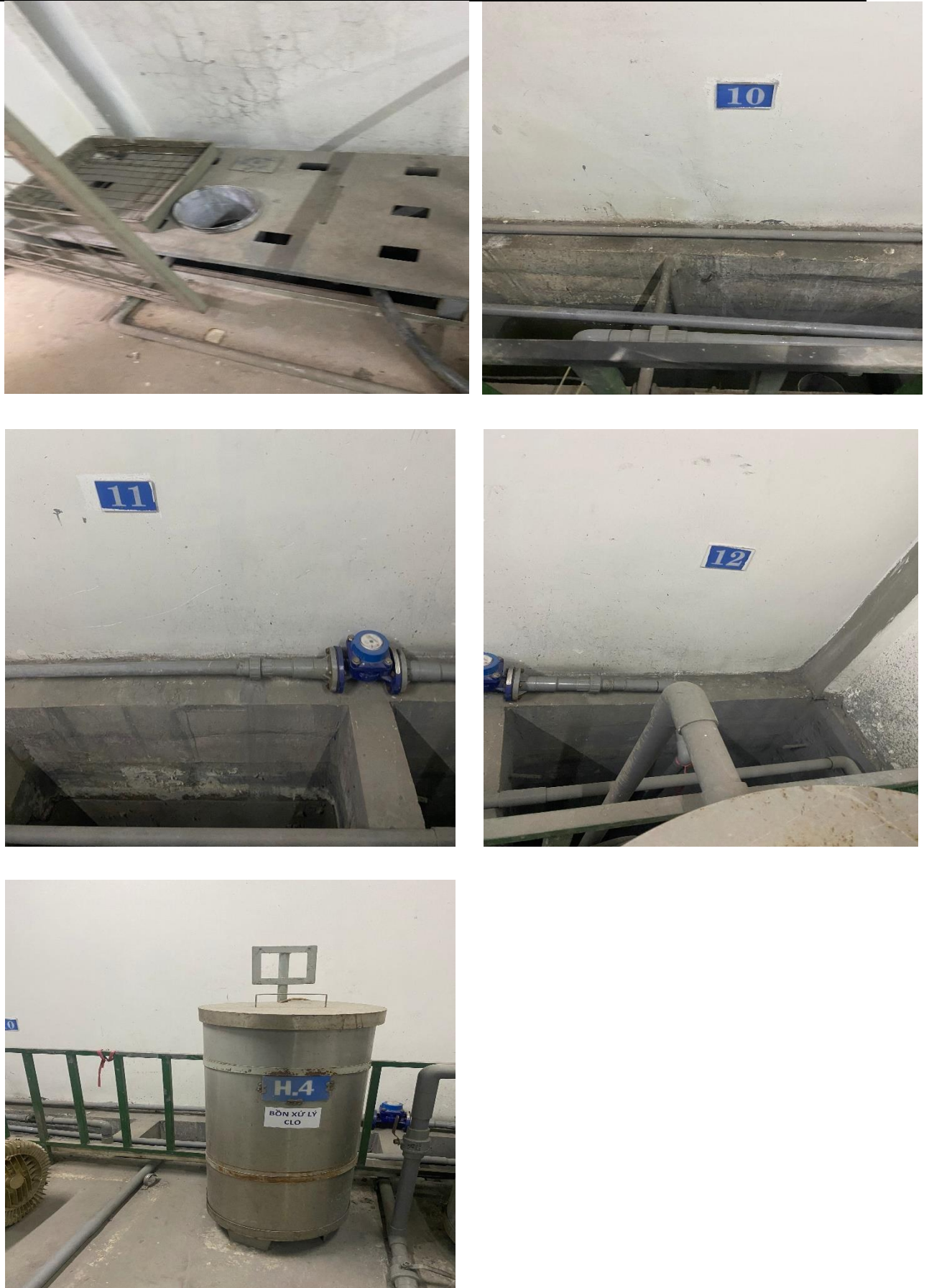
Bảng 3.6 Điện năng tiêu thụ của HTXL nước thải

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Thời gian hoạt động	Điện năng tiêu thụ (KWh)
1	Bơm chìm nước thải	05	Công suất: 0,5Hp Điện áp: 380V, 50Hz	5h	9,375
2	Bơm định lượng	04	Cột áp: 1 bar Công suất: 220 W Điện áp: 220V, 50Hz	5h	4,4
4	Motor khuấy trộn	02	Công suất: 1 Hp Điện áp: 380V, 50Hz	5h	7,5
5	Máy thổi khí	02	Công suất: 5,5Hp Điện áp: 380V, 50Hz	5h	41,25
Tổng					62,525

Ghi chú:

0,5Hp=0,375 KW





Hình 3.6 Hình ảnh hệ thống xử lý tại công ty

3.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

*** Bụi, khí thải từ xe ra vào cơ sở**

Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển là các nguồn không liên tục, phân tán, không thể tập trung để thu gom xử lý nên để giảm thiểu tác động do hoạt động này, cơ sở đã, đang và sẽ thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm như sau:

- Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều xe chờ hàng đến cơ sở cùng thời điểm.
- Bê tông hoá các đường nội bộ, sân bãi của cơ sở.
- Vệ sinh sân bãi hằng ngày để đảm bảo mỹ quan, hạn chế sự phát tán bụi.
- Yêu cầu nhân viên của cơ sở hạn chế tốc độ và không rò ga khi điều khiển phương tiện vào cơ sở.

*** Bụi, khí thải từ máy phát điện**

Máy phát điện chỉ hoạt động trong trường hợp mất điện nên nguồn thải mang tính chất tức thời, không thường xuyên. Để giảm thiểu những tác động từ máy phát điện, cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Bố trí vị trí nhà để máy phát điện xa khu vực ở và sinh hoạt của công nhân.
- Sử dụng loại nhiên liệu đốt là dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp ($S < 0,05\%$) để giảm nồng độ SO_2 trong khí thải.
- Xây dựng ống khói có chiều cao cao hơn từ 5m so với các công trình xung quanh.
- Thực hiện bảo dưỡng máy phát điện theo định kỳ.

*** Bụi, khí thải từ lò hơi**

Dự án sử dụng 01 lò hơi công suất 300kg hơi/giờ. Tuy nhiên, công ty sử dụng nguyên liệu là lò hơi DO nên đảm bảo không vượt các giới hạn quy định. Để giảm thiểu những tác động từ máy phát điện, cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Bố trí vị trí lò hơi xa khu vực ở và sinh hoạt của công nhân.
- Sử dụng loại nhiên liệu đốt là dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp ($S < 0,05\%$) để giảm nồng độ SO_2 trong khí thải.
- Xây dựng ống khói có chiều cao cao hơn từ 10m so với các công trình xung quanh.
- Thực hiện bảo dưỡng, kiểm định lò hơi định kỳ.

*** Bụi, hơi dung môi từ quá trình phối trộn nguyên liệu, gia nhiệt, nghiền mịn, pha loãng và pha màu**

Trong quá trình sản xuất tại các công đoạn phối trộn nguyên liệu, gia nhiệt, nghiền mịn, pha loãng và pha màu sẽ phát sinh bụi và một số dung môi đặc trưng là Toluence, Xylene, Ethyl acetate, Acetone, Butyl acetate.

Theo phương pháp đánh giá nhanh của WHO hệ số ô nhiễm của các hợp chất dung môi hữu cơ thông thường là 0,15 kg/tấn. Dựa trên khối lượng hóa chất sử dụng tại nhà máy và hệ số ô nhiễm trên ta có thể tính tải lượng và nồng độ hơi dung môi phát sinh như sau:

Khối lượng hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất sử dụng nhiều nhất khoảng 3.693 tấn/năm \approx 12,31 tấn/ngày. Tải lượng hơi dung môi phát sinh là 12,31 tấn/ngày \times 0,15 kg/tấn = 1,85 kg/ngày \approx 1.800 mg/ngày. Toàn bộ hơi dung môi hơi hóa chất được thực hiện tại khu vực riêng có diện tích 500 m² chiều cao tác động là 3 m và được thu gom xử lý không phát tán ra môi trường thì nồng độ phát sinh được tính toán như sau:

$$CVOCs = 1.800 / (500 \times 3) = 1,23 \text{ (mg/m}^3 \text{)}$$

$$\text{Nồng độ (mg/N.m}^3 \text{)} = \text{Nồng độ (mg/m}^3 \text{)} \times (273 + t) / 273 \text{ (với nhiệt độ } t = 30^\circ\text{C)}$$

$$\Rightarrow CVOCs = 1,23 \times (273 + 30) / 273 = 1,36 \text{ (mg/N.m}^3 \text{)}$$

Nồng độ hơi dung môi theo tính toán:

Bảng 3.7 Nồng độ hơi dung môi phát sinh tại dự án theo tính toán

Chỉ tiêu		Nồng độ (mg/m ³)	QCVN 20:2009/ BTNMT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 05:2023/ BTNMT
VOCs	Toluence	1,36	750	100	500
	Xylene		870	100	1000
	Ethyl acetate		1.400		-
	Acetone		-	200	-
	Butyl acetate		950		-

Theo kết quả tính toán ở trên thì nồng độ hợp chất hữu cơ bay hơi nhỏ hơn rất nhiều so với QCVN 20:2009/BTNMT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 05:2023/BTNMT.

Theo kết quả phân tích hơi dung môi tại công ty trong thời gian vừa qua thì chất lượng không khí tại cơ sở như sau:

Bảng 3.8 Nồng độ hơi dung môi phát sinh tại dự án theo thực tế

Chỉ tiêu	Nồng độ (mg/m³)				QCVN 03:2019/BYT	QCVN 05:2023/BTNMT
	2022		2023			
	Quý 1	Quý 3	Quý 1	Quý 2		
Tolouence	KPH	KPH	KPH	KPH	100	500

Xylene	KPH	KPH	KPH	KPH	100	1000
---------------	-----	-----	-----	-----	-----	------

Nguồn: Trung tâm quan trắc- Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương

Theo kết quả phân tích hơi dung môi thực tế tại công ty cho thấy hơi dung môi phát sinh tại công ty với nồng độ rất nhỏ và nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2019/BYT và QCVN 05:2023/BTNMT.

Tuy nhiên, công nhân tiếp xúc thường xuyên theo thời gian dài sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe nếu không có biện pháp giảm thiểu hợp lý. Vì vậy, cần có biện pháp giảm thiểu lượng phát thải hơi dung môi từ công đoạn phối trộn nguyên liệu, gia nhiệt, nghiền mịn, pha loãng và pha màu. Chủ dự án bố trí riêng biệt khu vực phối trộn nguyên liệu, gia nhiệt, nghiền mịn, pha loãng và pha màu và bố trí thông gió, bảo hộ đặc biệt cho công nhân trong khu vực này. Hiện tại, các công đoạn sản xuất phát sinh hơi dung môi đều được thực hiện trong máy và bồn chứa kín hạn chế phát sinh bụi và hơi dung môi. Tuy nhiên để đảm bảo điều kiện vi khí hậu cho công nhân làm việc, chủ dự án có các biện pháp xử lý như sau:

- Công đoạn phát sinh hơi dung môi như khu vực phối trộn nguyên liệu, gia nhiệt, nghiền mịn, pha loãng và pha màu đều bố trí ở những khu vực riêng biệt.

- Các phương tiện, thùng chứa keo sẽ được đóng kín, chặt, để nơi thoáng mát, tránh nhiệt.

- Phân công nhân viên vệ sinh công nghiệp nhà máy sau mỗi ngày làm việc.

- Trang bị các quạt công nghiệp trong xưởng sản xuất nhằm tạo môi trường làm việc thông thoáng, giảm khả năng ảnh hưởng của hơi dung môi đến sức khỏe công nhân lao động.

- Trang bị bảo hộ lao động đặc biệt cho bộ phận quét keo và pha mực như: mặt nạ phòng độc, kính bảo hộ,...

- Trên mái nhà xưởng trang bị các cửa thông gió, trần cách nhiệt, đồng thời trang bị thêm các quạt công nghiệp cục bộ và quạt hút nhằm tăng khả năng thông gió làm giảm nhiệt độ và độ ẩm trong xưởng sản xuất.

Bảng 3.9 Các thông số kỹ thuật của biện pháp xử lý khí thải

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Kết cấu
1	Ống thoát khí thải máy phát điện	m	5	Vật liệu thép không gỉ Ø200, dày 2,5 mm
2	Quạt hút thông gió	cái	24	Quạt hút 50” 1 Hp loại 3 cánh nhôm

3.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

* Quy mô và thành phần

Trong giai đoạn hoạt động, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt là 120 kg/ngày.

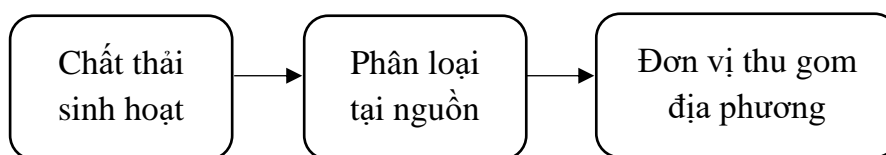
Thành phần chủ yếu của chất thải rắn sinh hoạt (vỏ trái cây, hộp đựng thức ăn, nilông, lon, chai...). Khối lượng phát thải nhỏ, tuy nhiên nếu không thu gom và xử lý sẽ làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân viên, môi trường cảnh quan của cơ sở.

* Biện pháp thu gom và quản lý

- Chủ cơ sở bố trí các thùng rác PVC loại 7 lít có bao nilong bên trong tại khu vực nhà vệ sinh, nhà nhân viên, hành lang văn phòng,...sau đó cuối ngày tập trung vào 02 thùng rác loại 240 lít đặt trước cổng cơ sở và 01 thùng rác loại 240 lít đặt phía sau cơ sở.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh luôn được thu gom triệt để, vận chuyển xử lý theo lịch thu gom của đơn vị địa phương, không xảy ra tình trạng chất thải để lâu, bốc mùi hôi thối làm mất mỹ quan.

* Quy trình quản lý



Hình 3.7 Sơ đồ quản lý chất thải sinh hoạt tại cơ sở

Chất thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày tại cơ sở được thu gom và phân loại, lưu chứa tạm thời trong các thùng chứa tại nhà vệ sinh, văn phòng, nhà ở nhân viên. Cuối ngày, nhân viên đưa về thùng chứa đặt trước cổng cơ sở để đơn vị thu gom đến thu gom.

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV TM DV Môi Trường Khang Bảo thu gom xử lý tần suất 3 ngày/lần.



Hình 3.8 Hình ảnh thùng chứa chất thải sinh hoạt tại cơ sở

3.3.2. Chất thải rắn thông thường

* Quy mô và thành phần

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu từ hoạt động văn phòng, khâu đóng gói trong sản xuất bao gồm bao bì giấy các tông thải bỏ, giẻ lau không dính dầu nhớt, Palet thải. Ước tính được khối lượng chất thải sản xuất không nguy hại phát sinh tại dự án như sau:

Bảng 3.10 Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy thải bỏ	12 08 03	TT	900
2	Giẻ lau không dính dầu nhớt	-	-	67
3	Palet thải	-	-	1.000
4	Bùn thải từ bể tự hoại 3 ngăn	12 06 12	TT	72.567
5	Nilon thải	18 01 06	TT-R	500
Tổng				75.035

(Nguồn: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam))

Thành phần chất thải này ở dạng tro nên ít tác động đến môi trường nhưng nếu không được thu gom và quản lý đúng quy định sẽ gây mất cảnh quan chung tại khu vực nhà máy. Do vậy, chủ dự án sẽ có biện pháp phù hợp để quản lý, xử lý tốt đối với nguồn chất thải này.

* Biện pháp

Báo cáo đề xuất Cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giầy gia, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn”

Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải 30 m³/ngày

Bố trí 3 thùng rác PVC loại 660 lít có nắp đậy có bánh xe để thu gom rác thải công nghiệp phát sinh từ nhà xưởng. Hằng ngày sẽ có nhân viên thu gom về khu vực chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 7 m². Kho chứa chất thải thông thường có cửa kín, xây tường gạch, tô trát, quét sơn nước, nền bê tông chống thấm, có mái che, có gờ chống tràn.

Ký hợp đồng số Công ty TNHH MTV TM DV Môi Trường Khang Bảo thu gom xử lý tần suất 3 ngày/lần.



Hình 3.9 Hình ảnh thùng chứa rác thải và kho chứa chất thải công nghiệp thông thường tại công ty

3.3.3. Chất thải nguy hại

* Quy mô và thành phần

Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án chủ yếu bao gồm: Giẻ lau, bao tay dính keo, dung môi, Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, Rác thải y tế. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng các loại nguyên nhiên liệu sử dụng tại dự án. Bên cạnh đó, dự án cũng tham khảo số liệu thực tế từ hoạt động sản xuất của nhà máy hiện hữu có quy mô, công nghệ sản xuất tương tự dự án để ước tính thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.

Chất thải nguy hại được thu gom, quản lý nghiêm ngặt và hợp đồng với đơn vị xử lý theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Bảng 3.11 Thành phần, khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/tháng)	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, bao tay dính keo, dung môi	18 02 01	KS	210	2.520
2	Thùng sơn, thùng đựng hóa chất (keo, mực in, dung môi)	18 01 01	KS	3.350	40.200
3	Dung môi thải	16 01 01	NH	44	528
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	10 02 03	NH	15	180
5	Hộp mực in thải	08 02 04	KS	1	12
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	1	12
7	Dầu nhớt thải	17 01 06	NH	15	180
8	Dung môi lẫn sơn thải	08 01 01	KS	80	960
9	Hóa chất thải	08 01 04	KS	7	84
10	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	NH	1	12
Tổng				3.724	44.688

(Nguồn: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam))

Biện pháp thu gom và quản lý

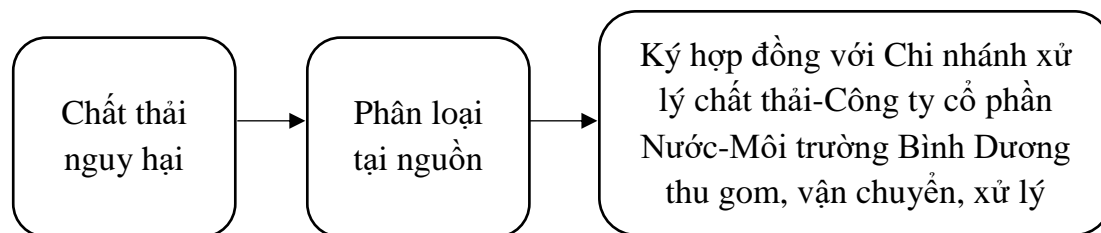
- Trong thời gian lưu trữ tại cơ sở, lượng CTNH này được bố trí để riêng trong khu vực lưu chứa CTNH và được thu gom vận chuyển linh hoạt tùy theo lượng chất thải phát sinh với đơn vị thu gom.

- Bố trí 3 thùng PVC loại 20 lít và 2 thùng PVC loại 40 lít có dán nhãn mã số CTNH và các bao PP chống thấm trong khu vực chứa chất thải nguy hại có diện tích 10m² (2,5m x 4 m), chiều cao 3,0m, cửa kín, xây tường gạch, tô trát, quét sơn nước, nền bê tông chống thấm, có mái che, có gờ chống tràn.

- Ký hợp đồng số với Chi nhánh xử lý chất thải-Công ty cổ phần Nước-Môi trường Bình Dương để thu gom, vận chuyển và xử lý tần suất 1 tháng/lần.

** Quy trình vận hành*

Chất thải nguy hại phát sinh hằng ngày tại cơ sở được thu gom và phân loại lưu chứa trong nhà chứa chất thải nguy hại tập trung của cơ sở; các chất thải nguy hại được phân loại, bảo quản theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dùng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định. Với quy trình quản lý, vận hành chất thải nguy hại tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:



Hình 3.10 Sơ đồ quản lý chất thải nguy hại tại cơ sở



Hình 3.11 Hình ảnh kho chứa CTNH của cơ sở

3.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn tại cơ sở phát sinh từ hoạt động của các phương tiện ra vào cơ sở, từ máy bơm nước của hệ thống xử lý nước thải; máy nén khí, máy phát điện.

- Tọa độ nguồn phát sinh:

Nguồn 1: Máy phát điện 625 kVA

Tọa độ theo VN2000 (X;Y) = (1222406.17; 607825.15).

Nguồn 2: Máy bơm nước thải tại HTXL nước thải

Tọa độ theo VN2000 (X;Y) = (1222373.19; 607730.98).

Nguồn 3: Máy nén khí

Tọa độ theo VN2000 (X;Y) = (1222398.69; 607757.20).

Để hạn chế ảnh hưởng tới mức thấp nhất đến sức khỏe của người lao động, chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau nhằm khống chế tác động của nguồn ô nhiễm này:

- + Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h, không bóp còi.
- + Không cho các xe nổ máy trong lúc chờ bốc dỡ hàng.
- + Bố trí vị trí nhà để máy phát điện xa khu vực ở và sinh hoạt của công nhân.
- + Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện; hệ thống máy bơm, máy in, máy nén khí.

Trong quá trình hoạt động công ty sẽ luôn tuân thủ QCVN 27: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

3.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Biện pháp phòng chống cháy nổ, hỏa hoạn

❖ Biện pháp phòng chống cháy

- Cơ sở được đầu tư đầy đủ các trang thiết bị chống cháy nổ, các phương tiện PCCC được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng nhằm khắc phục kịp thời khi sự cố xảy ra.

- Công nhân trực tiếp làm việc tại cơ sở được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.

- Nhân viên không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện.v.v...vào trong khu vực dễ xảy ra cháy như: kho chứa hoá chất, kho chứa chất thải nguy hại,...

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 185/TD-PCCC ngày 18/5/2010 được Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 468/TD-PCCC- P2 ngày 17/6/2016 được Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 195/TD-PCCC- P2 ngày 17/3/2016 được Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 52/TD-PCCC-P2 ngày 18/01/2017 được Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

- Giấy kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 2569/KĐ-PCCC ngày 20/10/2017 được Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

❖ **Quy trình chữa cháy**

- Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

- Dọn dẹp: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

- Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó Chủ cơ sở sẽ cùng với cơ quan chức năng sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ cơ sở sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

b. An toàn khi bảo quản, sử dụng các loại nhiên liệu, hóa chất

- Bảo quản trong các thùng kín, để thùng đứng, có nắp đậy chặt.
- Để khu vực trong khu vực kho chứa hoá chất.
- Khi sử dụng cố gắng thao tác chính xác, tránh tràn đổ.
- Có cung cấp bể chứa phụ để phòng tránh trường hợp tràn đổ hóa chất.
- Khi tràn đổ hoặc rò rỉ cần dùng vải khô hoặc cát khô để thấm hết phần nhiên liệu, hóa chất chảy ra cho vào túi nilon, chai lọ kín, đem tới khu vực lưu trữ CTNH. Sau đó rửa tay thật kỹ.
- Nhiên liệu, hóa chất có dán nhãn tên hóa chất và hướng dẫn sử dụng.

c. An toàn trong lưu trữ, vận chuyển thải bỏ hóa chất, chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động của cơ sở

Hóa chất thải bỏ, CTNH trước tiên sẽ được thu gom, đóng gói và dán nhãn để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình vận chuyển xử lý. CTNH được lưu giữ tại khu vực lưu chứa chất thải của cơ sở trong một thời gian ngắn trước khi được cơ quan chức năng vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

Trong thời gian tồn trữ tại cơ sở, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn. Cụ thể:

- Thu gom
 - + Quá trình thu gom chất thải tại nguồn được thực hiện bởi các nhân viên tại cơ sở. Thu gom và chuyển tới nhà lưu trữ CTNH ngay khi chất thải phát sinh.
 - + Lượng CTNH được thu gom theo tính chất của từng loại chất thải, tùy theo tính chất hóa học và trạng thái vật lý (rắn, lỏng) để có phương án thu gom thích hợp.

+ Việc thu gom cần hết sức chú ý nhằm tránh tràn đổ, rò rỉ hay gây ra cháy nổ.

- Dán nhãn: Trên các thùng chứa, bao chứa CTNH và hóa chất thải bỏ được dán nhãn để đơn vị thu gom dễ dàng trong công tác vận chuyển và bảo quản, đồng thời ghi rõ các hiệu lệnh cảnh báo để tránh xảy ra các sự cố đáng tiếc do thiếu hiểu biết của công nhân hay những người tiếp xúc.

- Vị trí kho lưu trữ: kho lưu trữ được bố trí nằm tách biệt với khu vực hoạt động của cơ sở và ngay bên cạnh đường, tạo điều kiện thuận lợi cho xe ra vào vận chuyển chất thải đi xử lý. Kho lưu trữ có mái che, các thùng chứa đặt thẳng đứng, thùng có nắp đậy.

- Các thiết bị an toàn tại kho lưu trữ: trong kho lưu trữ có lắp đặt các thiết bị chiếu sáng và các thiết bị điện khác tại vị trí cần thiết. Mọi trang thiết bị đều được nối đất và có bộ ngắt mạch khi rò điện, bảo vệ quá tải. Trong kho có bố trí các dụng cụ ứng cứu sự cố (bình chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động).

- Nhân viên phụ trách kho lưu trữ phải được đào tạo về bảng dữ liệu an toàn của tất cả các chất được lưu giữ và vận chuyển, nắm được các hướng dẫn và công tác an toàn vệ sinh cũng như các hướng dẫn và những biện pháp ứng cứu khi có sự cố.

- Bố trí chất thải trong kho: tuân thủ các quy định an toàn trong lưu trữ: phải tách biệt chất nguy hại với khu vực có người ra vào thường xuyên, có khoảng trống giữa tường với các thùng lưu giữ chất thải gần tường nhất và chừa lối đi lại bên trong để kiểm tra, chữa cháy.

- Trong kho lưu trữ không cho phép sạc pin, ép plastic hay hàn xì, không để chất thải rắn thông thường trong kho lưu trữ CTNH.

- Công tác vận chuyển, thải bỏ và xử lý CTNH, hóa chất thải bỏ được chuyển giao cho đơn vị chức năng theo định kỳ vận chuyển xử lý đúng quy định.





Hình 3.12 Hình ảnh kho chứa hóa chất và thiết bị PCCC tại cơ sở

d. Phương án phòng ngừa và ứng cứu sự cố trong vận hành hệ thống xử lý nước thải

- Sự cố ô nhiễm môi trường do hệ thống xử lý gặp sự cố
 - + Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, hiệu quả xử lý cao.
 - + Thường xuyên tổ chức nạo vét hệ thống thoát nước, tránh hiện tượng tắc nghẽn gây ngập úng khi có mưa lớn.
 - + Định kỳ theo dõi kiểm tra diễn biến trong sử dụng để kịp thời khắc phục sự cố.
 - + Có biển báo, rào chắn tại các khu vực nhạy cảm.
 - + Hướng dẫn công nhân vận hành hệ thống xử lý đúng quy trình.
- Định kỳ 3 tháng/lần, dự án tổ chức kiểm tra và bảo dưỡng các máy bơm của hệ thống, đảm bảo các bơm hoạt động tốt.
- Thường xuyên kiểm tra giám sát hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Thường xuyên nạo vét, gia cố các điểm có nguy cơ sạt lở của hệ thống.
- Khi phát hiện có sự cố, người phụ trách tại HTXLNT xác định nguyên nhân và tiến hành khắc phục, sửa chữa ngay lập tức:
 - + Tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn và hạn chế tới mức thấp nhất lưu lượng nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép gây ô nhiễm môi trường.
 - + Khi sự cố xảy ra, nước thải sẽ được bơm về hồ chứa nước thải sau xử lý để lưu trữ.

- Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện thường xuyên cho nhân viên về các sự cố có thể xảy ra và các biện pháp ứng phó khi cần thiết. Phân công nhân viên thường xuyên kiểm tra, giám sát thiết bị và hệ thống vận hành tại nhà máy.

- Khi sự cố vượt khả năng ứng phó của HTXLNT thì tiến hành thông báo và phối hợp với các cơ quan có chức năng để kiểm tra và có biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động xấu đến môi trường.

Công ty đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường tại cơ sở cụ thể như sau:

Nguồn lực:

❖ Các phương tiện, trang thiết bị ứng phó bao gồm:

- Trang bị các tủ đựng dụng cụ ứng phó tràn đổ hóa chất: găng tay, xô đựng, cây gạt nước, mắt kính, ủng bảo hộ, giẻ lau, cát, xẻng...
- Hệ thống PCCC. Hệ thống xử lý nước thải, Hệ thống hút, Vòi tắm khẩn cấp. Rãnh mương thu gom hóa chất.
- Túi sơ cấp cứu tại nơi làm việc.

Các bước xử lý tình huống khẩn cấp:

Bước 1: Báo động

[illegible]

	<p>đỡ và báo cáo ngay cho lãnh đạo cấp trên nhanh nhất có thể</p> <p>d) Khi có sự cố hệ thống xử lý nước thải, khí thải :</p> <p>Hồ to : “Sự cố nước thải/khí thải” nhiều lần cho tới khi có người đến giúp đỡ và báo cáo ngay cho lãnh đạo cấp trên nhanh nhất có thể</p>		<p>Khi phát hiện sự cố hệ thống xử lý nước thải, khí thải.</p>	<p>- Thực hiện theo phương án ứng phó tại cơ sở</p>
2	<p>II) Cấp báo ra bên ngoài:</p> <p>a) Khi có cháy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo ngay bằng điện thoại (Kể cả bằng điện thoại di động) tới: Trưởng ban an toàn: Ms. Sa 0938 ... 636 - Đội PCCC địa phương - Phòng cảnh sát PCCC số:114 - Cảnh sát cơ động 113 <p>b) Khi có tai nạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm cấp cứu 115 <p>c) Khi có sự cố tràn đổ hóa chất, xử lý nước thải, khí thải :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Báo ngay bằng điện thoại (Kể cả bằng điện thoại di động) tới: Trưởng ban an toàn, môi trường. - Cơ quan quản lý môi trường địa Phương. 	<p>Người phát hiện sự cố cháy, nổ, tai nạn, sự cố khẩn cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện lãnh đạo môi trường - Trưởng ban PCCC - <u>Ghi chú</u>: Trong trường hợp những người nói trên vắng mặt, trưởng đơn vị có sự cố hoặc bất kì trưởng đơn vị nào đều có trách nhiệm cấp báo với cơ quan chức năng bên ngoài. 	<p>Khi có sự cố nguy cấp.</p>	<p>Thực hiện theo phương án khẩn cấp.</p>

Bước 2: Xác định nguồn phát tán, rò rỉ và ngăn chặn, hạn chế giảm nhẹ nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Bước 3: Xử lý việc phát tán, tràn đổ. Trong quá trình thực hiện cần chú ý an toàn cháy nổ và tính mạng.

Bước 4: Xác định khả năng ứng phó:

➤ **Trường hợp 1: Sự cố nằm trong khả năng ứng phó của công ty:**

Bước 1: Người phát hiện sự cố ngay lập tức báo cáo cho cấp quản lý trực tiếp hoặc Trưởng ban an toàn, môi trường.

Bước 2: Ban chỉ đạo bố trí nhân lực, vật lực, phương tiện và chỉ đạo lực lượng ứng phó tại chỗ thực hiện ngay các biện pháp khắc phục sự cố, bảo đảm hạn chế tối đa thiệt hại về người và môi trường; tổng hợp, đánh giá tình hình sự cố để báo cáo Ban lãnh đạo công ty.

➤ **Trường hợp 2: Sự cố môi trường vượt quá khả năng ứng phó của công ty:**

Bước 1: Công ty thông báo ngay đồng thời cung cấp chi tiết các thông tin liên quan đến sự cố cho cơ quan quản lý về môi trường.

Bước 2: Cơ quan quản lý môi trường các cấp khi tiếp nhận và xác nhận thông tin về sự cố môi trường, cử đoàn công tác xuống ngay hiện trường, làm công tác tham mưu, tư vấn về chuyên môn để giảm thiểu các thiệt hại về môi trường do sự cố gây ra;

Bước 3: Trưởng Ban Chỉ huy ứng phó sự cố môi trường có trách nhiệm tổ chức việc xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế tại hiện trường; phân công, giao trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ huy; chỉ huy, điều động các lực lượng tham gia ứng phó sự cố; bổ nhiệm người chỉ huy tại hiện trường phù hợp với từng tình huống cụ thể; tổng hợp, đánh giá tình hình sự cố để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Khắc phục sự cố môi trường

Là giai đoạn sự cố đã hoàn toàn được kiểm soát và không có khả năng tái phát trở lại. Trong giai đoạn này, công ty có vai trò, trách nhiệm như sau:

- Sau khi thực hiện quá trình chuyển từ giai đoạn ứng phó khẩn cấp sang giai đoạn khắc phục hậu quả, Cơ quan quản lý môi trường kiểm tra đánh giá lại hiện trạng và mức độ ô nhiễm để tham mưu cho Ban chỉ huy ứng phó sự cố các cấp về việc thực hiện các hành động can thiệp cần thiết để can thiệp nhanh hoặc bỏ các biện pháp can thiệp, hoặc phục hồi môi trường trên cơ sở thực tế;
- Chỉ huy hiện trường căn cứ vào tình hình cụ thể và tham mưu của cơ quan quản lý môi trường quyết định việc hủy bỏ các biện pháp hạn chế, can thiệp, phục hồi môi trường;
- Khi sự cố môi trường phải thực hiện tổng hợp các thông tin thiệt hại liên quan đến con người, tài sản và hỗ trợ trong quá trình khắc phục và điều tra sự cố.

Xác định nguyên nhân, quan trắc, đánh giá sự cố môi trường

- Khi sự cố môi trường xảy ra, bên cạnh việc tổ chức các hoạt động ứng phó, công ty phải triển khai việc điều tra, xác định nguyên nhân sự cố môi trường, phạm vi ô nhiễm, thiệt hại do sự cố môi trường gây ra.
- Công ty phải lập kế hoạch và thực hiện quá trình chuyển từ giai đoạn ứng phó khẩn cấp sang giai đoạn phục hồi môi trường, quan trắc, giám sát môi trường sau sự cố, chi phí cho việc ứng phó sự cố và khắc phục hậu quả tại công ty

e. An toàn lao động

- Cung cấp đồ bảo hộ lao động cho công nhân trong quá trình làm việc.
- Chủ cơ sở phối hợp với đơn vị có chức năng đo đạc môi trường lao động, sau đó sẽ có kế hoạch khám sức khỏe cho công nhân để phát hiện bệnh nghề nghiệp.
- Khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân viên yên tâm công tác, kịp thời phát hiện và điều trị bệnh.

Công ty cam kết công khai kế hoạch ứng phó sự cố tại UBND cấp huyện và xã và thông báo cho UBND cấp xã các nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh.

3.6. Thay đổi của Cơ sở so với Đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận

Cơ sở có thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận như sau:

TT	Nội dung thay đổi	Đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận	Thực tế	Lý do điều chỉnh
1	Hệ thống xử lý khí thải	Xây dựng HTXL khí thải từ quá trình nghiền, khuấy, bơm chuyển, lọc và cân đong bằng tháp hấp thụ than hoạt tính	Chưa xây dựng	Theo kết quả tính toán và kết quả quan trắc môi trường định kỳ của nhà máy. Các chỉ tiêu ô nhiễm luôn nằm trong giới hạn cho phép vì vậy công ty không tiến hành xây dựng hệ thống xử lý khí thải khu vực này.
2	Hệ thống xử lý khí thải	Xây dựng hệ thống xử lý bụi từ khu vực máy nghiền, phễu nạp bằng thiết bị lọc bụi túi vải	Chưa xây dựng	Máy nghiền và phễu nạp tại công ty là hệ thống nghiền kín không phát sinh bụi ra bên ngoài trong quá trình nghiền. Ngoài ra, theo kết quả tính toán và kết quả quan trắc môi trường định kỳ của nhà máy. Các chỉ tiêu ô nhiễm luôn nằm trong giới hạn cho phép vì vậy công ty không tiến hành xây dựng hệ thống xử lý khí thải khu vực này.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải phát sinh từ dự án chủ yếu từ nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên.

+ Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh dụng cụ khoảng 0,5 m³/ngày được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, nhân viên văn phòng bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh của công nhân được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn và nước rửa tay chân phát sinh khoảng 15 m³ sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Dòng nước thải: Nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ và nước thải sinh hoạt được đưa về HTXL nước thải xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) sau đó được thu gom đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực.

+ Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 4.1 Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn tiếp nhận của QCVN 40:2011/BTNMT (cột A)
1	pH	-	6-9
2	TSS	mg/l	50
3	BOD ₅	mg/l	30
4	COD	mg/l	75
5	Tổng N	mg/l	20
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	3000

Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận:

+ Vị trí xả thải: Hồ ga đầu nối vào hệ thống thoát nước đường Tân Hiệp 25. Tọa độ (X= 1222422.87; Y= 607808.43).

+ Phương thức xả thải: Tự chảy

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải đường Tân Hiệp 25- Suối Cái-sông Đồng Nai.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

+ Nguồn số 01: Khí thải từ lò hơi công suất 300 kg hơi/giờ

- Lưu lượng xả thải tối đa:

+ Dòng khí thải số 01: 308 m³/h

- Dòng khí thải 01: Khí thải từ lò hơi dầu DO được dẫn qua ống khói cao 10m

Tọa độ vị trí xả khí thải (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°)

+ Dòng khí thải số 01 Tọa độ (X = 1222456.37; Y= 607806.53)

- Khí thải sau xử lý đạt : Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_v = 1,2; K_p = 1.

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K _v = 1,2; K _p = 1
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	H ₂ S	mg/Nm ³	9
3	SO ₂	mg/Nm ³	600
4	NO _x	mg/Nm ³	1020

- Phương thức xả thải: : Khí thải xả vào môi trường qua ống thoát khí theo phương thức quạt hút cưỡng bức, xả liên tục theo ca làm việc.

- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 8h/ngày.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

Nguồn 1: Máy phát điện 625 kVA

Tọa độ theo VN2000 (X;Y) = (1222406.17; 607825.15).

Nguồn 2: Máy bơm nước thải tại HTXL nước thải

Tọa độ theo VN2000 (X;Y) = (1222373.19; 607730.98).

Nguồn 3: Máy nén khí

Tọa độ theo VN2000 (X;Y) = (1222398.69; 607757.20).

- Giá trị giới hạn đối với độ rung: Trong quá trình hoạt động, dự án đảm bảo tuân thủ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 4.2 Giá trị giới hạn đối với và độ rung

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị		Quy chuẩn quy định
			Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ	
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT – khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: Trong quá trình hoạt động, dự án đảm bảo tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Bảng 4.3 Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị		Quy chuẩn quy định
			Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ	
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT – khu vực thông thường

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

4.4.1. Khối lượng, thành phần chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường kiểm soát tại cơ sở

Bảng 4.4 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phải kiểm soát

* Biện pháp thu gom và quản lý

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/tháng)	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, bao tay dính keo, dung môi	18 02 01	KS	210	2.520
2	Thùng sơn, thùng đựng hóa chất (keo, mực in, dung môi)	18 01 01	KS	3.350	40.200
3	Dung môi thải	16 01 01	NH	44	528
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	10 02 03	NH	15	180
5	Hộp mực in thải	08 02 04	KS	1	12
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	1	12
7	Dầu nhớt thải	17 01 06	NH	15	180
8	Dung môi lẫn sơn thải	08 01 01	KS	80	960
9	Hóa chất thải	08 01 04	KS	7	84
10	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	NH	1	12
Tổng				3.724	44.688

- Bố trí 3 thùng PVC loại 20 lít và 2 thùng PVC loại 40 lít có dán nhãn mã số CTNH và các bao PP chống thấm trong khu vực chứa chất thải nguy hại có diện tích 10 m² (2,5m x 4m), chiều cao 3,0m.

- Ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

** Quy trình vận hành*

Chất thải nguy hại phát sinh hằng ngày tại cơ sở được thu gom và phân loại lưu chứa trong nhà chứa chất thải nguy hại tập trung của cơ sở; các chất thải nguy hại được phân loại, bảo quản theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dùng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

Bảng 4.5 Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy thải bỏ	12 08 03	TT	900
2	Giẻ lau không dính dầu nhớt	-	-	67
3	Palet thải	-	-	1.000
4	Bùn thải từ bể tự hoại 3 ngăn	12 06 12	TT	72.567
5	Nilon thải	18 01 06	TT-R	500
Tổng				75.035

Bố trí 3 thùng rác PVC loại 660 lít có nắp đậy có bánh xe để thu gom rác thải công nghiệp phát sinh từ nhà xưởng. Hằng ngày sẽ có nhân viên thu gom về khu vực chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 7 m².

Ký hợp đồng số đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

4.4.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 50 thùng nhựa 7l, bao bì, 02 thùng rác loại 240 lít và 2 thùng rác loại 660 lít đặt trước cổng cơ sở và 01 thùng rác loại 240 lít đặt phía sau cơ sở.

- Kho lưu giữ: Cơ sở không có kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

4.4.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Trong thời gian qua cơ sở đã tiến hành quan trắc định kỳ. Kết quả quan trắc môi trường nước thải trong 2 năm qua tại cơ sở như sau:

Bảng 5.1 Kết quả quan trắc môi trường nước thải năm 2022 tại công ty

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/ BTNMT (cột A)
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	
1	BOD ₅	mg/L	10	6	6	6	30
2	Tổng Photpho	mg/L	0,36	0,01	0,03	KPH	4
3	COD	mg/L	22	13	13	13	75
4	TSS	mg/L	23	7	5	KPH	50
5	Tổng Nito	mg/L	3,4	5,6	14	5,6	20
6	pH		7,2	6,8	6,8	7,3	6 – 9
7	Tổng Coliform	MPN /100mL	640	430	930	280	3.000

Nguồn: Trung tâm quan trắc-kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương, năm 2022

Bảng 5.2 Kết quả quan trắc môi trường nước thải năm 2023 tại công ty

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 40:2011/ BTNMT (cột A)
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	
1	BOD ₅	mg/L	5	8	16	30
2	Tổng Photpho	mg/L	KPH	0,2	0,54	4
3	COD	mg/L	13	18	35	75
4	TSS	mg/L	7	18	17	50
5	Tổng Nito	mg/L	14,9	9,8	8,4	20
6	pH		7,4	7,1	7,2	6 – 9
7	Tổng Coliform	MPN /100mL	390	280	1.000	3.000

Nguồn: Trung tâm quan trắc-kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương, năm 2023

Nhận xét: Qua các bảng trên ta thấy nước thải sau HTXL của công ty đều nằm trong QCVN 40:2011/ BTNMT (cột A). Hệ thống xử lý nước thải của công ty đang vận hành tốt. Nước thải sau xử lý tại công ty hoàn toàn có thể xả ra môi trường.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

Trong thời gian qua cơ sở đã tiến hành quan trắc định kỳ. Kết quả quan trắc môi trường không khí trong 2 năm qua tại cơ sở như sau:

Bảng 5.3 Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực cổng năm 2023 tại công ty

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Quy chuẩn	Giới hạn
			Quý 1	Quý 3		
1	NO ₂	µm/m ³	22,2	27,9	QCVN 05 :2013/BTNMT	200
2	SO ₂	µm/m ³	KPH	KPH	QCVN 05 :2013/BTNMT	350
3	Bụi lơ lửng	µm/m ³	73	79	QCVN 05 :2013/BTNMT	300
4	Nhiệt độ	°C	30,9	31,6	-	-
5	Độ ẩm	%	61,3	59,9	-	-
6	CO	µm/m ³	KPH	KPH	QCVN 05 :2013/BTNMT	30.000
7	Tiếng ồn (L _{eq})	dB(A)	66,7	65,8	QCVN 26 :2010/BTNMT	70
8	Tiếng ồn (L _{max})	dB(A)	70,3	69,2	QCVN 26 :2010/BTNMT	70
9	Tiếng ồn (L _{min})	dB(A)	64,2	62,1	QCVN 26 :2010/BTNMT	70

Nguồn: Trung tâm quan trắc-kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương, năm 2023

Bảng 5.4 Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực nhà xưởng 1 năm 2023 tại công ty

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Quy chuẩn	Giới hạn
			Quý 1	Quý 3		
1	Độ ẩm	%	63,8	66,7	-	-
2	Tiếng ồn (L _{eq})	dB(A)	72,3	72,7	QCVN 24 :2016/BYT	85
3	Tiếng ồn (L _{max})	dB(A)	78,6	79,4	QCVN 24 :2016/BYT	85
4	Tiếng ồn (L _{min})	dB(A)	74,2	75,2	QCVN 24 :2016/BYT	85

Báo cáo đề xuất Cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giày gia, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn”

Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải 30 m³/ngày

5	Nhiệt độ	°C	30,4	30,9	-	-
6	Bụi lơ lửng	µm/m ³	4,3	32	QCVN 02 :2019/BYT	8.000
7	Toluen	µm/m ³	KPH	KPH	-	-
8	Xylen	µm/m ³	KPH	KPH	QCVN 03 :2019/BTNMT	100.000
9	Độ sáng	Lux	476		-	

Nguồn: Trung tâm quan trắc-kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương,
năm 2022

Bảng 5.5 Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực nhà xưởng 2 và nhà xưởng 3 năm 2022 tại công ty

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Quy chuẩn	Giới hạn
			Xưởng 2		Xưởng 3			
			Quý 1	Quý 3	Quý 1	Quý 3		
1	Độ ẩm	%	63,5	66,2	62,4	65,4	-	-
2	Tiếng ồn (L _{eq})	dB(A)	73,7	72,9	71,5	72,2	QCVN 24 :2016/BYT	85
3	Tiếng ồn (L _{max})	dB(A)	79,2	78,6	77,2	79,6	QCVN 24 :2016/BYT	85
4	Tiếng ồn (L _{min})	dB(A)	75,1	74,3	73,8	75,8	QCVN 24 :2016/BYT	85
5	Nhiệt độ	°C	30,6	31,2	30,8	31,3	-	-
6	Bụi lơ lửng	µm/m ³	55	38	49	41	QCVN 02 :2019/BYT	8.000
7	Độ sáng	Lux	481	-	465	-	-	

Nguồn: Trung tâm quan trắc-kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương,
năm 2022

Bảng 5.6 Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực cổng năm 2023 tại công ty

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Quy chuẩn	Giới hạn
			Quý 1	Quý 3		
1	NO ₂	µm/m ³	22,7	29,3	QCVN 05 :2013/BTNMT	200
2	SO ₂	µm/m ³	KPH	KPH	QCVN 05 :2013/BTNMT	350
3	Bụi lơ lửng	µm/m ³	61	66	QCVN 05 :2013/BTNMT	300

Báo cáo đề xuất Cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giày gia, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn”

Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải 30 m³/ngày

4	Nhiệt độ	°C	31,6	28,7	-	-
5	Độ ẩm	%	58,8	77,4	-	-
6	CO	µm/m ³	KPH	KPH	QCVN 05 :2013/BTNMT	30.000
7	Tiếng ồn (L _{eq})	dB(A)	64,3	62,7	QCVN 26 :2010/BTNMT	70
8	Tiếng ồn (L _{max})	dB(A)	67,8	66,7	QCVN 26 :2010/BTNMT	70
9	Tiếng ồn (L _{min})	dB(A)	61,2	59,3	QCVN 26 :2010/BTNMT	70

*Nguồn: Trung tâm quan trắc-kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương,
năm 2023*

Bảng 5.7 Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực nhà xưởng 1 năm 2023 tại công ty

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Quy chuẩn	Giới hạn
			Quý 1	Quý 3		
1	Độ ẩm	%	66,2	75,2	-	-
2	Tiếng ồn (L _{eq})	dB(A)	70,2	73,8	QCVN 24 :2016/BYT	85
3	Tiếng ồn (L _{max})	dB(A)	77,9	81,3	QCVN 24 :2016/BYT	85
4	Tiếng ồn (L _{min})	dB(A)	73,6	78,7	QCVN 24 :2016/BYT	85
5	Nhiệt độ	°C	30,8	29,6	-	-
6	Bụi lơ lửng	µm/m ³	64	66	QCVN 02 :2019/BYT	8.000
7	Toluen	µm/m ³	KPH	KPH	-	-
8	Xylen	µm/m ³	KPH	KPH	QCVN 03 :2019/BTNMT	100.000
9	Độ sáng	Lux	356	757	-	

*Nguồn: Trung tâm quan trắc-kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương,
năm 2023*

Bảng 5.8 Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực nhà xưởng 2 và nhà xưởng 3 năm 2023 tại công ty

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Quy chuẩn	Giới hạn
			Xưởng 2		Xưởng 3			
			Quý 1	Quý 3	Quý 1	Quý 3		
1	Độ ẩm	%	65,8	75,6	64,7	76,4	-	-

2	Tiếng ồn (L _{eq})	dB(A)	74,8	76,5	75,3	77,2	QCVN 24 :2016/BYT	85
3	Tiếng ồn (L _{max})	dB(A)	78,4	79,4	79,7	79,4	QCVN 24 :2016/BYT	85
4	Tiếng ồn (L _{min})	dB(A)	71,6	71,2	72,1	72,5	QCVN 24 :2016/BYT	85
5	Nhiệt độ	°C	31,1	29,8	31,2	30,3	-	-
6	Bụi lơ lửng	µm/m ³	67	64	64	61	QCVN 02 :2019/BYT	8.000
7	Độ sáng	Lux	370	816	365	793	-	

Nguồn: Trung tâm quan trắc-kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương, năm 2023

Nhận xét: Qua các bảng trên ta thấy các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong quy chuẩn so sánh, hoạt động của công ty không có tác động xấu đến môi trường xung quanh. Các biện pháp quản lý khí thải phát sinh tại công ty đang hiệu quả.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải trong quá trình lập báo cáo

Công ty đã tiến hành quan trắc nước thải đầy đủ theo quy định nên không tiến hành quan trắc thêm trong quá trình lập báo cáo.

**CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM
CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của dự án như sau:

Bảng 6.1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường

TT	Hạng mục	Thời gian dự kiến bắt đầu	Thời gian dự kiến kết thúc	Công suất thử nghiệm
01	Hệ thống xử lý nước thải	08/2024	09/2024	30 m ³ /ngày

5.1.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý

Kế hoạch quan trắc và phân tích mẫu trong giai đoạn vận hành thử nghiệm của dự án như sau:

Bảng 6.2 Kế hoạch quan trắc và phân tích mẫu trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

STT	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Kế hoạch phân tích	Thông số quan trắc	Tiêu chuẩn so sánh
I. Trong giai đoạn vận hành ổn định						
01	Đầu vào nước thải	Trong giai đoạn vận hành ổn định công trình XLNT: 01 ngày (5/8/2024)	Lấy mẫu đơn liên tục trong 01 ngày.	Ngay sau khi lấy mẫu	pH, COD, BOD ₅ , TSS, Tổng N, Tổng Coliform	- QCVN 40:2011/ BTNMT (cột A)
02	Nước thải đầu ra	Trong giai đoạn vận hành ổn định công trình XLNT: 03	Lấy mẫu đơn liên tục trong 03 ngày.	Ngay sau khi lấy mẫu	pH, COD, BOD ₅ , TSS, Tổng N, Tổng Coliform	- QCVN 40:2011/ BTNMT (cột A)

		ngày (5/8/2024; 6/8/2024; 7/8/2024)				
--	--	--	--	--	--	--

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, tiến hành thuê đơn vị quan trắc để phân tích chất lượng nước trước và sau xử lý. Dự kiến đơn vị kết hợp để quan trắc, phân tích chất thải như sau:

- Tên tổ chức: Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt
- Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hoà 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hoà, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0274.366.2529 Website: www.moitruongsaoviet.vn

Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số chứng nhận VIMCERTS 286 và đã có chứng nhận Vilas 073.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Bảng 6.3 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ tại cơ sở

TT	Nội dung quan trắc	Vị trí quan trắc	Tần suất	Thông số	Tiêu chuẩn so sánh
1	Nước thải	01 vị trí, nước thải đầu ra của HTXLNT	06 tháng/lần	pH, COD, BOD ₅ , TSS, Tổng N, Tổng Coliform	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp hệ thống quan trắc tự động

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của dự án được thể hiện như sau:

Bảng 6.4 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

TT	Hạng mục	Giá trị hạng mục (VNĐ)
1	Kinh phí giám sát môi trường nước thải định kỳ	10.000.000
2	Kinh phí giám sát môi trường khí thải định kỳ	0
3	Kinh phí thu gom và vận chuyển CTR sinh hoạt, công nghiệp	30.000.000
4	Kinh phí thu gom và vận chuyển CTNH	20.000.000

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Từ khi hoạt động đến nay công ty đã có nhưng đợt thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường gồm:

- Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam) đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương kiểm tra và cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước số 120/GP-STNMT ngày 29 tháng 07 năm 2020.

- Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam) đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thanh tra ngày 14 tháng 10 năm 2015.

Công ty chưa từng bị phạt về việc không đảm bảo chất lượng môi trường, vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Chủ đầu tư cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Chủ đầu tư cam kết tuân thủ nghiêm túc các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường, cụ thể:

- Cam kết tuân thủ đúng Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của Nhà nước liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường.

- Chất lượng không khí môi trường làm việc đảm bảo đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động ban hành kèm theo Thông tư 02/2019/TT-BYT và QCVN 03: 2019/BYT; Chất lượng môi trường không khí xung quanh đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT.

- Nước thải: Cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý theo đúng các biện pháp đã nêu trong báo cáo; Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, giám sát nước thải theo đúng như đã nêu trong báo cáo.

- Tiếng ồn: Trong quá trình hoạt động, dự án đảm bảo tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Chất thải rắn: Thu gom và xử lý triệt để, đảm bảo không rơi vãi và phát tán ra môi trường xung quanh đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- Chất thải nguy hại: Thu gom, lưu trữ và giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- Cam kết lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo nội dung quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
3. Giấy tờ về đất đai;
4. Sổ chủ nguồn thải;
5. Giấy phép xây dựng;
6. Giấy xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường;
7. Giấy phép xả thải;
8. Thâm duyệt PCCC;
9. Kết quả quan trắc môi trường 2 năm gần nhất;
10. Hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại;
11. Chứng từ thu gom chất thải nguy hại năm 2024;
12. Hóa đơn điện nước 3 tháng gần nhất;
13. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải kèm thuyết minh quy trình xử lý;
14. Bản vẽ mặt bằng tổng thể;
15. Bản vẽ thoát nước mưa, nước thải;
16. Bản vẽ mặt bằng bố trí khu vực sản xuất;
17. Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

BẢN SAO

Mã số doanh nghiệp: 3700442746

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 06 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 21 tháng 06 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIENYU SHINGYEH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thửa đất số 250, Tờ bản đồ số 26, Khu phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 02743652068

Fax:

Email: tienyupaintmax@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ 39.600.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng

tương đương 1.800.000 USD (Một triệu tám trăm nghìn đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: HUANG KUO LUNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/09/1974 Dân tộc:

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 362522752

Ngày cấp: 09/05/2023

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Đài Loan

Địa chỉ thường trú: No.51, Kan He Road, His Tun, Taichung, Đài Loan, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HUANG KUO LUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc

Sinh ngày: 06/09/1974 Dân tộc: Quốc tịch:

Trung Quốc (Đài Loan)

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 362522752

Ngày cấp: 09/05/2023 Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Đài Loan

Địa chỉ thường trú: No.51, Kan He Road, His Tun, Taichung, Đài Loan, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh An

CHỨNG THỰC BẢN SẴO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC: 11697 QUYỀN SỞ:.....
Ngày: 26-07-2023
TM.UBND PHƯỜNG TÂN HIỆP
/ CHỦ TỊCH



Ngô Văn Tô

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Số: 5471805758

Chứng nhận lần đầu: ngày 30 tháng 6 năm 2008

(Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000423 ngày 30 tháng 6 năm 2008
đăng ký lại từ Giấy phép đầu tư số 205/GP-BD ngày 25 tháng 7 năm 2002
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 2: ngày 03 tháng 8 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư năm 2020.

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3700442746 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 6 năm 2023.

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000423 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2008 và chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 01 tháng 10 năm 2014.

Căn cứ Bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do đại diện theo ủy quyền của CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM) nộp ngày 05 tháng 7 năm 2023 và hồ sơ bổ sung nộp ngày 17 tháng 7 năm 2023 và ngày 25 tháng 7 năm 2023.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT SƠN VÀ DUNG MÔI PHA SƠN hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000423 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2008 và chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 01 tháng 10 năm 2014;

đăng ký điều chỉnh cập nhật thông tin nhà đầu tư và địa điểm thực hiện dự án do Nhà nước thay đổi tên gọi đơn vị hành chính.



Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: Ông HUANG KUO LUNG; ngày sinh: 06 tháng 9 năm 1974; quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan); hộ chiếu số 362522752 do Bộ Ngoại giao Đài Loan cấp ngày 09 tháng 5 năm 2023; địa chỉ thường trú No.51, Kan He Road, His Tun, Taichung, Taiwan; chỗ ở hiện nay khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700442746 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 6 năm 2023; trụ sở chính tại Thửa đất số 250, tờ bản đồ số 26, khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SON VÀ DUNG MÔI PHA SON.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
1	Sản xuất sơn gỗ, giày da, chống sét; sản xuất sơn chịu nhiệt, dung môi pha sơn	2022	

3. Quy mô dự án: Doanh thu 3.600.000 đô la Mỹ/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

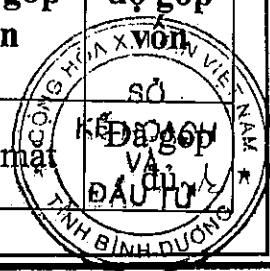
5. Diện tích đất sử dụng cho dự án: 50.000m².

6. Tổng vốn đầu tư: 55.000.000.000 (Năm mươi lăm tỷ) đồng Việt Nam, tương đương 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đô la Mỹ (*tỷ giá quy đổi qua các lần góp vốn, tăng vốn năm 2002, năm 2008 và 2014*).

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 39.600.000.000 (Ba mươi chín tỷ sáu trăm triệu) đồng Việt Nam, tương đương 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 72% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	HUANG KUO LUNG	39.600.000.000	1.800.000	100	Tiền mặt	



7. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2002.

8. Tiến độ thực hiện dự án: đã hoạt động ổn định theo báo cáo của nhà đầu tư.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Đất đai, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3: Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư phải tuân thủ và đáp ứng điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Nhà đầu tư chỉ được triển khai hoạt động đối với các lĩnh vực đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng các điều kiện và/hoặc được cấp Giấy phép/Giấy chứng nhận/chứng chỉ hành nghề hoặc văn bản xác nhận... theo quy định pháp luật liên hành; chấp hành quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và quy định pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động đầu tư kinh doanh đã đăng ký.

4. Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư và chịu sự kiểm tra và giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Phương

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 250
b) Địa chỉ: xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
c) Diện tích: 41.508m² (bằng chữ: Bốn mươi một nghìn năm trăm linh tám mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: rừng - 41.508m² - chung: Không
e) Thời hạn sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC)
f) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: Công ty TNHH Tiên Yu Enterprise (Việt Nam)

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn số
Nhà 1 tầng 2 tầng	2.276	2.648	Mái tole, bê tông cốt thép. Vách gạch. Nền bê tông, gạch. Sàn bê tông cốt thép. Khung chịu lực bê tông cốt thép.	-/-	02	-/-	-/-
Nhà xưởng	1.659,2	1.659,2	Móng, dầm, tường bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch. Sơn nước. Mái lợp tole. Cột, khung kèo thép.	III	01	-/-	-/-
Nhà xưởng số 9	1.659,2	1.659,2	Móng, khung bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch. Mái lợp tole. Kèo thép. Nền bê tông.	III	01	-/-	-/-
Nhà xưởng số 10	91,5	91,5	Như nhà xưởng số 9.	III	01	-/-	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Gìn giữ:

Tổng diện tích: 41.508 m² (trong đó có 1.811 m² diện tích đất thuộc hành lang an toàn đường bộ; cho phép khai thác sử dụng mang tính tạm thời và không được ảnh hưởng đến an toàn công trình và an toàn giao thông. Đồng thời thực hiện theo Quyết định số 272/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương).

Nguồn gốc: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm diện tích 39.697m² (trong đó có 238m² đất công).

Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 751402 ngày 03/12/2002; giấy chứng nhận công trình số 151165/CNCT ngày 12/10/2004 và chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

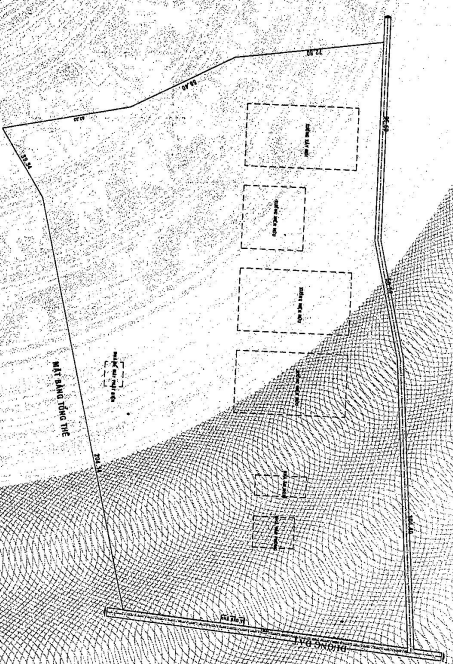
Bình Dương, ngày 12 tháng 12 năm 2012
FM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
THỦ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số vào sổ cấp GCN: CT03372

Phạm Danh

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

(Kèm theo bản vẽ mặt bằng lòng thề Công ty TNHH Tiên Yu Enterprise Việt Nam)

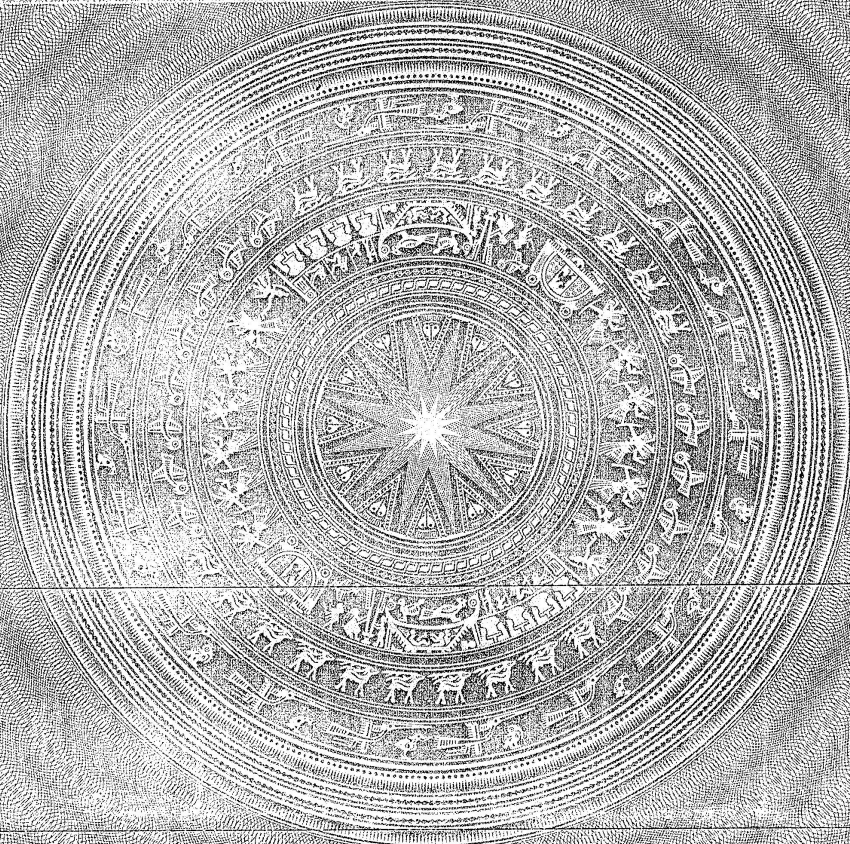


IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

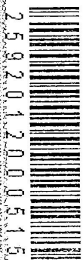
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, làm rách hoặc
sử dụng bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận làm tài liệu hoặc
tài liệu chứng nhận khác và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

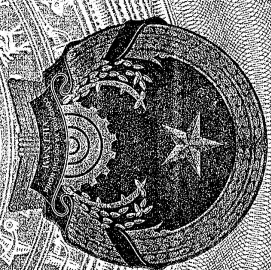


2592012000515

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MÀNG SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH TIỀN XU ENTERPRISE (VIỆT NAM)

Giấy chứng nhận đất từ số: 461023000423

chứng nhận lần đầu ngày 30/6/2008 do UBND tỉnh Bình Dương cấp

Địa chỉ dự án: xã Tân Bình, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỖ BẤM CHỮ
SỐ QUÂN QUẢN LÝ 2/16 (00/05/2017)
MÃ SỐ QUÂN QUẢN LÝ 2/16 (00/05/2017)
MÃ SỐ QUÂN QUẢN LÝ 2/16 (00/05/2017)



BK 033796

Số: 2848/STNMT-MT

Thủ Dầu Một, ngày 08 tháng 10 năm 2009

**SỔ ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**
Mã số Quản lý chất thải nguy hại: 74.000.550.T

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise Việt Nam.

Địa chỉ: Ấp Tân Bình, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3652066

Fax: 0650.3652168

Tài khoản số: 90713000154800 tại Ngân hàng Chinatrust Commercial Bank Ho Chi Minh City Branch.

Giấy chứng nhận đầu tư số: 461023000423 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2008.

Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số: 47/KHCNMT do Sở khoa học, công nghệ và Môi trường cấp ngày 24 tháng 03 năm 2003.

Loại hình cơ sở: Công ty TNHH Hai thành viên trở lên.

II. Nội dung đăng ký:

Công ty đã đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường danh sách chất thải nguy hại và danh sách chất thải khác phát sinh tại Công ty như sau:

1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Pin ắc quy chì thải	Rắn	1	19 06 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1	16 01 06
3	Hộp mực in thải	Rắn	1	08 02 04
4	Dầu nhớt thải	Lỏng	15	17 02 04
5	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, sơn, dung môi, hóa chất, màu thải	Rắn	210	18 02 01
6	Bao bì, can, thùng đựng dầu nhớt, hóa chất, dung môi, màu thải	Rắn	3350	18 01 01

7	Dung môi thải	Lỏng	44	08 03 01
8	Dung môi lẫn sơn thải	Lỏng	80	08 01 05
9	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	15	12 06 06
10	Hóa chất thải	Lỏng	7	19 05 04
Tổng cộng:			3.724 kg	

2. Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng Công ty:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/tháng)
1	Rác thải sinh hoạt	Rắn	120
Tổng cộng:			120 kg

3. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4602002786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19 tháng 12 năm 2007.

- Bản sao Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số: 2132/GXN-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên cấp ngày 06 tháng 10 năm 2008.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải :

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường;
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan;
3. Có trách nhiệm quản lý chất thải nguy hại cho đến khi chúng được tiêu hủy;
4. Thực hiện đúng các trách nhiệm được quy định tại Mục 1, phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
5. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, đồng thời lưu giữ chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định;
6. Định kỳ 06 tháng một lần, lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo mẫu Phụ lục 4 (A) của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT.
7. Khi chấm dứt hoạt động, phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

8. Phải điều chỉnh Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi:

- Thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng từ 15% trở lên so với số lượng chất thải nguy hại đã đăng ký;

- Thay đổi địa điểm cơ sở nhưng không thay đổi chủ nguồn thải hoặc thay đổi chủ nguồn thải nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở.

IV. Thời hạn hiệu lực:

Sổ đăng ký này có hiệu lực cho đến khi cần điều chỉnh theo quy định hoặc khi Công ty chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu CCBVMT;
- Lưu VP.

KT. GIÁM ĐỐC 
PHÓ GIÁM ĐỐC




Võ Thị Ngọc Hạnh



Số: 306 /GPXD-SXD

Bình Dương, ngày 05 tháng 4 năm 2016

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIỆT NAM).

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng hạng mục công trình Nhà xưởng giai đoạn tiếp theo.

- Tên công trình: Nhà xưởng giai đoạn tiếp theo - Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Việt Nam).

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: TT(01-04); KT(01-04); KC(01-07); PC(01-09).

- Do: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thịnh Việt Phát lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trung Dũng Sài Gòn.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Tại Thửa đất số 250, tờ bản đồ số 26, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 19,59%, hệ số sử dụng đất: 0,2.

+ Chỉ giới đường đỏ: 5m tính từ mép đường nhựa (rộng 8,5m) và 5m tính từ mép đường đất (rộng 5,5m ÷ 7,5m).

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: Định vị công trình theo mặt bằng tổng thể.

Các hạng mục công trình gồm:

2.1. Nhà xưởng mở rộng:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Diện tích: $(24,4 \times 30,5) = 744,2m^2$;

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,2m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 10,5m; Số tầng: 01 tầng.

- Cấu trúc: Móng, khung cột bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch. Mái lợp tôn, xà gồ thép, kèo thép. Cửa sắt, cửa nhôm.

2.2. Nhà kho:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Diện tích: $(15 \times 45) = 675m^2$;

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,2m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 8,65m; Số tầng: 01 tầng.

- Cấu trúc: Móng, khung cột bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch. Mái lợp tôn, xà gồ thép, kèo thép. Cửa sắt, cửa nhôm.

2.3. Các công trình khác: Công trình có sơ đồ đấu nối điện, phòng cháy chữa cháy và thu lôi chống sét.


3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 033796, số vào sổ cấp GCN: CT03372 ngày 12/12/2012, do UBND tỉnh Bình Dương cấp, diện tích khu đất 41.508m²; Mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh; Thời hạn sử dụng: đến ngày 25/7/2052.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, Th. *Luoc*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *quoc*

Luoc Ha
Nguyễn Lộc Hà

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC



CHỦ
SỞ
DỰ
HÀNH

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

- Đồng ý cho Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Việt Nam) được phép điều chỉnh giấy phép xây dựng số 906/GPXD-SXD ngày 05/4/2016 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.
 - Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh khoản 2 Giấy phép xây dựng số 906/GPXD-SXD ngày 05/4/2016.
 - Nhà kho:
 - + Loại công trình: Công trình công nghiệp.
 - + Cấp công trình: Cấp III.
 - + Diện tích: $(30 \times 56) = 1.680m^2$;
 - + Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,2m.
 - + Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 8,65m; Số tầng: 01 tầng.
 - + Cấu trúc: Móng, khung cột bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch. Mái lợp tôn, xà gỗ thép, kèo thép. Cửa sắt, cửa nhôm.
 - Các nội dung khác không thay đổi theo Giấy phép xây dựng số 906/GPXD-SXD ngày 05/4/2016 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.
- ### 2. Thời hạn có hiệu lực của Giấy phép: Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thg. *huucl*

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2016

KT. GIÁM ĐỐC *quoc*

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lộc Hà



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 928 / GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Việt Nam).

Địa chỉ: xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461023000423, chứng nhận lần đầu ngày 30/6/2008 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên công trình: Nhà xưởng.

- Vị trí xây dựng: Thửa đất số 250 tờ bản đồ số 26 với diện tích: 39697m².

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 751402 vào sổ số 693 QSDĐ/2002 ngày 03/12/2002 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

- Địa điểm xây dựng: xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45m so với cốt sân.

- Chỉ giới đường đỏ (CGĐĐ), chỉ giới xây dựng (CGXD):

.(CGĐĐ): tính từ đường đất đến hàng rào tối thiểu là 6m.

.(CGXD): tính từ đường đất đến hạng mục công trình đầu tiên là 13m.

2.1- Nhà Xưởng:

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích: (30,5 x 54,4) = 1659,2m².

- Cấu trúc: Móng, đà kiềng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch sơn nước, phía trên ốp tole. Mái lợp tole, xà gồ thép. Cột khung kèo thép. Cửa sắt.

2.2- Các hạng mục khác: Công trình có thiết kế hệ thống thoát nước, phòng cháy chữa cháy và thu lồi chống sét.

- Chiều cao công trình (hạng mục cao nhất): từ nền đến đỉnh mái cao 9 m.

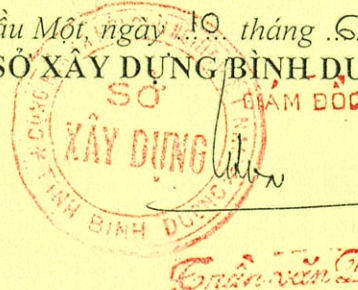
3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Thủ Dầu Một, ngày 10 tháng 6 năm 2010.

SỞ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Nơi nhận:

- Như trên.



Bình Dương, ngày 25 tháng 01 năm 2017

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 325 /GPXD

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIỆT NAM).

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng các công trình Nhà xưởng giai đoạn tiếp theo thuộc dự án được phê duyệt tại Quyết định số 03/CVTY ngày 10/01/2017 của Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Việt Nam).

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: TT(01-03); KT(01-04); KC(01-07); PC(01-06); CS01.

- Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thịnh Việt Phát.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trung Dũng Sài Gòn.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Tại Thửa đất số 250, tờ bản đồ số 26, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 24,42%, hệ số sử dụng đất: 0,25.

+ Chỉ giới đường đỏ: 5m tính từ mép đường nhựa (rộng 8,5m) và 5m tính từ mép đường đất (rộng 5,5m ÷ 7,5m).

+ Chỉ giới xây dựng: Định vị công trình theo mặt bằng tổng thể.

- Tổng số công trình: 01 công trình.

2.1. Nhà xưởng:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Diện tích: $(30,5 \times 54,4) = 1.659,2m^2$;

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,2m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 10,5m; Số tầng: 01 tầng.

- Cấu trúc: Móng, khung cột bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch. Mái lợp tôn, xà gồ thép, kèo thép. Cửa sắt, cửa nhôm.

2.2. Các nội dung khác: Công trình có sơ đồ đấu nối điện, nước, phòng cháy chữa cháy và thu lồi chống sét.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 033796, số vào sổ cấp GCN: CT03372 ngày 12/12/2012, do UBND tỉnh Bình Dương cấp, diện tích khu đất



41.508m²; Mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh; Thời hạn sử dụng: đến ngày 25/7/2052.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, T. *hail*

KT. GIÁM ĐỐC *quoc*

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lộc Hà

Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC



Số: 2015 /GPXD-SXD

Bình Dương, ngày 30 tháng 10 năm 2013

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Việt Nam).

- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận đầu tư số 461023000423, chứng nhận lần đầu ngày 30/6/2008 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên công trình: Ký túc xá giai đoạn mở rộng.

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: KT01, KT(01-07), KC(01-13), Đ(1-01), CN(1-01), TN1(01-02), HTH(1-01).

- Do: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Phương Phan lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Thương mại Dịch vụ Tân Bảo Lộc.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Tại thửa số 250; Tờ bản đồ số 26; Tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 16,18%, hệ số sử dụng đất: 0,17.

+ Chỉ giới đường đỏ: 5m tính từ mép đường nhựa (rộng 8,5m) và 5m tính từ mép đường đất (rộng 5,5m ÷ 7,5m).

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: 70,9m tính từ mép đường nhựa (rộng 8,5m) đến chân hạng mục công trình ký túc xá, 25,4m tính từ mép đường đất (rộng 5,5m ÷ 7,5m) đến chân hạng mục công trình ký túc xá.

- Ký túc xá:

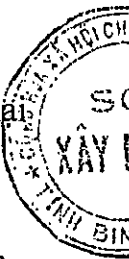
+ Diện tích xây dựng: 211,94m²;

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,45m.

+ Chiều cao công trình: 5,56m; Số tầng: 01 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, khung cột, sê nô bằng bê tông cốt thép. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch sơn nước. Mái lợp ngói, hệ đỡ mái bằng thép.

3. Giấy tờ về đất đai: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 033796 (vào sổ số CT03372) ngày 12/12/2012, do UBND tỉnh Bình Dương cấp, diện tích khu đất 41.508m².



4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thg.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



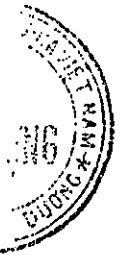
Nguyễn Lộc Hà

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:



Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

SỞ KHOA HỌC - CÔNG
NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47 /KHCMNT

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2003

**PHIẾU XÁC NHẬN
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG**

Của : Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giày da, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt
và dung môi pha sơn - Công ty TNHH Tien Yu Enterprise Việt Nam

**GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG
XÁC NHẬN**

Điều 1 : Công ty TNHH Tien Yu Enterprise Việt Nam đã trình nội dung
Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường cho Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giày
da, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn ngày 22 tháng 02
năm 2003.

Điều 2 : Công ty có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được
nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Điều 3 : Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường cho Nhà máy sản xuất
sơn gỗ, sơn giày da, sơn chống sét, sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn của
Công ty TNHH Tien Yu Enterprise Việt Nam là cơ sở pháp lý để các cơ quan
quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi
trường của Nhà máy

Điều 4 : Trước khi Nhà máy sản xuất sơn gỗ, sơn giày da, sơn chống sét,
sơn chịu nhiệt và dung môi pha sơn đi vào hoạt động sản xuất, Công ty phải
hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường cho Nhà máy và có báo cáo
bằng văn bản gửi Sở Khoa học - Công nghệ & Môi trường Bình Dương để
kiểm tra.

Nơi nhận

- Công ty TNHH Tien Yu Enterprise.
- Sở KH&ĐT Bình Dương.
- Sở Công nghiệp Bình Dương.
- Sở Xây dựng Bình Dương.
- Lưu VP

SỞ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số Chứng thư..... Quyển..... TP/SCT-SGT
Ngày..... Tháng..... Năm 20.....



Nguyễn Ngọc Bích

Nguyễn Văn Phước

[illegible]

BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ
Việc kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

Thực hiện Kế hoạch số 140/KH-CATU-PCCC ngày 12/7/2022 của Công an thị xã Tân Uyên về việc “Kiểm tra, hướng dẫn an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo chuyên đề năm 2022”.

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam). Địa chỉ: khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Công an thị xã Tân Uyên:

1. Ông: Nguyễn Thanh Bảo; Chức vụ: Cán bộ, Đội CS PCCC&CNCH

2. Ông: Nguyễn Hoàng Vũ; Chức vụ: Cán bộ, Đội CS PCCC&CNCH

Đã tiến hành kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy định kỳ đối với Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam).

Đại diện cơ sở:

1. Ông: Su Jui Chang; Chức vụ: Phó giám đốc, người nhận ủy quyền của ông Huang Kou Lung; Chức vụ: Giám đốc

2. Ông: Nguyễn Văn Hiền; Chức vụ: Quản lý

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CƠ SỞ

Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam), có địa chỉ trụ sở chính đặt tại khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3700442746 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 30/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 03/08/2016.

Ngành nghề: Sản xuất sơn, dung môi pha sơn. Diện tích: 8.250m².

Số người làm việc tại công ty khoảng 60 người, ngoài giờ ở công ty khoảng 05 người.

Vốn đầu tư: 39.600.000.000 tỷ đồng. Nước đầu tư: Đài Loan.

II. KIỂM TRA HỒ SƠ

1. Nội quy, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng cháy và chữa cháy; quyết định phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy của cơ sở.

Công ty đã ban hành nội quy phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Công ty đã niêm yết các biển tiêu lệnh PCCC và các biển “cấm lửa” “cấm hút thuốc” tại các khu vực theo quy định tại TCVN 3890:2009.

2. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 185/TD-PCCC ngày 18/5/2010 được Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương cấp.

Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 468/TD-PCCC-P2 ngày 17/6/2016 được Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 195/TD-PCCC-P2 ngày 17/3/2016 được Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 52/TD-PCCC-P2 ngày 18/01/2017 được Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

Công văn xác nhận nghiệm thu phòng cháy chữa cháy số 18/PCCC&CNCH ngày 18/01/2011 được Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương cấp.

Công văn xác nhận nghiệm thu phòng cháy chữa cháy số 467/CSPC&CC-PS5 ngày 26/12/2017 được Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp.

3. Quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, quyết định cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp.

Công ty đã ban hành quyết định thành lập Đội PCCC cơ sở với tổng số thành viên đội PCCC cơ sở là 25 người đã phân công chức năng nhiệm vụ cho từng thành viên trong đội theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ.

4. Phương án chữa cháy của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy.

Công ty đã xây dựng phương án chữa cháy cơ sở theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP phê duyệt ngày 06/01/2020.

5. Kết quả kiểm tra điện trở nối đất chống sét.

Công ty đã lắp đặt hệ thống chống sét cho nhà xưởng theo quy định tại TCVN 9385:2012, tại thời điểm tra công ty đã tổ chức đo điện trở nối đất của hệ thống chống sét năm 2022, kết quả đảm bảo.

6. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

Công ty đã mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2022 theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018. Doanh nghiệp bảo hiểm: Công ty bảo hiểm phi nhân thọ Cathay Việt Nam. Hợp đồng ngày: 02/8/2022.

7. Sổ theo dõi công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và hoạt động của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành; sổ theo dõi phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

Công ty đã lập sổ theo dõi phương tiện về PCCC theo mẫu quy định tại Phụ lục A – TCVN 3890:2009 “Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng”.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ

1. Điều kiện giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy

Tại thời điểm kiểm tra, trên đường giao thông nội bộ công ty đảm bảo chiều rộng thông thủy > 3.5m, chiều cao thông thủy > 4.5m đảm bảo hoạt động của xe chữa cháy và các phương tiện giao thông cơ giới tiếp cận chữa cháy theo quy định tại QCVN 06:2021/BXD.

Bể nước chữa cháy: 500m³ còn đầy nước đảm bảo công tác chữa cháy.

2. Điều kiện thoát nạn

Công ty đã trang bị đèn chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố tại các cửa thoát hiểm theo quy định tại mục 10 TCVN 3890:2009, đã kẻ vạch phân định vị trí sắp xếp hàng hóa, lối thoát nạn, tại thời điểm kiểm tra cơ sở bố trí, sắp xếp hàng hóa gọn gàng, không cản trở cửa thoát nạn đảm bảo theo QCVN 06:2021/BXD.

3. Hệ thống, phương tiện phòng cháy chữa cháy

a. Bình chữa cháy

Tại thời điểm kiểm tra công ty có trang bị 156 bình chữa cháy các loại, tại thời điểm kiểm tra các bình chữa cháy còn đầy đủ chốt hãm kẹp chì, áp lực khí đầy đảm bảo, đã gắn thẻ theo dõi phương tiện chữa cháy, đã lắp đặt biển chỉ dẫn nơi đặt bình chữa cháy.

b. Hệ thống cấp nước chữa cháy

Công ty đã lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy gồm 02 trạm bơm (02 máy bơm động cơ điện, 02 máy bơm bù áp, 02 máy bơm động cơ nhiên liệu dầu Diesel) tại thời điểm kiểm tra máy bơm hoạt động bình thường đủ áp lực nước để chữa cháy theo quy định tại TCVN 3890:2009.

Tại vị trí các họng nước chữa cháy đã bố trí lăng, vòi chữa cháy theo quy định tại TCVN 3890:2009 và TCVN 2622:1995.

c. Hệ thống báo cháy tự động

Công ty đã lắp đặt hệ thống báo cháy cho nhà xưởng quy định tại TCVN 3890:2009, tại thời điểm kiểm tra hệ thống báo cháy hoạt động bình thường.

d. Hệ thống chữa cháy tự động

Công ty đã lắp đặt chữa cháy tự động Sprinkler cho nhà xưởng theo quy định tại TCVN 3890:2009, tại thời điểm kiểm tra hệ thống chữa cháy hoạt động bình thường.

4. Hệ thống điện

Tại thời điểm kiểm tra hệ thống điện không có dấu hiệu chập chập, dây dẫn điện được bố trí đi trong ống cách điện đảm bảo theo TCVN 9206:2012, TCVN 9207:2012.

IV. HƯỚNG DẪN AN TOÀN PCCC

Để bảo đảm an toàn PCCC tại Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam). Đoàn kiểm tra đề nghị công ty thực hiện các hướng dẫn như sau:

1. Công ty tăng cường công tác tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho đội PCCC cơ sở theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

2. Duy trì công tác tổ chức thực tập phương án chữa cháy định kỳ hàng năm theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

3. Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm thường xuyên, định kỳ kiểm tra an toàn PCCC trong phạm vi quản lý quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

4. Hết giờ làm việc hàng ngày phải kiểm tra việc ngắt điện đối với từng khu vực, nhà xưởng không cần thiết và định kỳ hàng tháng phải tổ chức làm vệ sinh công nghiệp đối với các máy móc sản xuất, các dây dẫn điện, ổ cắm điện, vách nhà xưởng nhằm tránh tạo môi trường nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định.

5. Để đảm bảo an toàn nghiêm cấm cho công nhân ngủ lại bên trong xưởng sau khi hết giờ làm việc.

6. Thường xuyên kiểm tra, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC, đảm bảo công tác thường trực, kịp thời xử lý khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

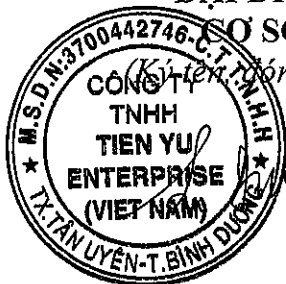
V. Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ

Công ty cam kết thực hiện nghiêm các kiến nghị và hướng dẫn an toàn PCCC của cơ quan Cảnh sát PCCC và theo quy định của pháp luật.

Biên bản được lập xong hồi 15 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 04 trang được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN

CƠ SỞ



(Ký tên, đóng dấu)

Chang

SU JUI CHANG

Phước dịch

Nguyễn Văn Bình

ĐẠI DIỆN

ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

(Ký tên)

ĐẠI DIỆN

ĐOÀN KIỂM TRA

(Ký tên)

Nguyễn Thanh Bảo

Nguyễn Thanh Bảo

Số 2569/KD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 18 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Sản xuất TM Dịch vụ Nam Thành Phát... về việc kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại văn bản số....., ngày 16 tháng 10 năm 2017;

Căn cứ kết quả kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại biên bản kiểm định ngày 16 tháng 10 năm 2017 của... Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật PCCC thuộc Trường Đại học phòng cháy chữa cháy.....

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN:

Phương tiện/lô phương tiện..... Phòng cháy và chữa cháy..... ghi tại trang 02,03 của..... Công ty TNHH Sản xuất TM Dịch vụ Nam Thành Phát, địa chỉ: K14, Quốc lộ 1A, Khu phố 3, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm kiểm định, số phương tiện này có các thông số kỹ thuật phù hợp với các quy định về phòng cháy và chữa cháy và được phép sử dụng trong công tác phòng cháy và chữa cháy.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2017

KT. GIÁM ĐỐC.
PHÓ GIÁM ĐỐC



Thượng tá Nguyễn Thanh Hưởng

**BẢNG THỐNG KÊ
PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH**

(Kèm theo Giấy chứng nhận kiểm định số 2569..., ngày 20 / 10 / 2017...
của ...Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh.....)

Số TT	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Ghi chú
01	Trung tâm báo cháy 10 kênh	FM-P3-10L	Tủ	01	Đài Loan	2016	Cấp tem mẫu A số 020014179
02	Đầu báo cháy khói	FMD-WT32L	Cái	36	Đài Loan	2017	Cấp 36 tem mẫu C
03	Đầu báo cháy khói tia chiếu	DET-640RB	Cái	04	Singapore	2017	Cấp 04 tem mẫu C
04	Còi báo cháy	FMD-101-24V	Cái	14	Đài Loan	2017	Cấp 14 tem mẫu C
05	Nút ấn báo cháy	FMC-FP1	Cái	14	Đài Loan	2017	Cấp 14 tem mẫu C
06	Máy bơm chữa cháy động cơ điện: Q= 240-600 m ³ /h H = 79-46 m P= 180HP/132kW	200x150 FS4NA 5132	Máy	01	Indonesia	2017	Cấp tem mẫu A số 020014180
07	Máy bơm chữa cháy động cơ Diesel: Động cơ P= 73kW Đầu bơm Q= 240-600 m ³ /h H = 79-46 m	 D6BR 200x150 FS4NA 5132	Máy	01	 Hàn Quốc Indonesia	2017	Cấp tem mẫu A số 020014181
08	Máy bơm bù áp chữa cháy động cơ điện: Q= 2.4-10.2 m ³ /h H = 123-61 m P= 5.5HP/4kW	U7V-550/10T	Máy	01	Ý	2017	Cấp tem mẫu A số 020014182
09	Đầu phun chữa cháy Sprinkler 68 ⁰ C loại hướng xuống	ZSTX15-68 ⁰ C	Cái	280	Trung Quốc	2016	Cấp 280 tem mẫu C
10	Trụ lấy nước chữa cháy DN100/65	-	Cái	04	Trung Quốc	2016	Cấp 04 tem mẫu C
11	Họng tiếp nước chữa cháy DN100/65	-	Cái	01	Trung Quốc	2016	Cấp 01 tem mẫu C
12	Vòi đẩy nước chữa cháy DN50, loại dài 20m	-	Cuộn	19	Đức	2017	Không cấp tem

Số: 195/TD-PCCC-P2.....

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số (Đơn).....
ngày 29 / 02 / 2016 của: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Việt Nam).....

Người đại diện là ông/bà: Huang Kuo Lung..... Chức danh: T. Giám đốc.....

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG CHỨNG NHẬN:

Công trình: NHÀ KHO (15M X 45M), CẢI TẠO NHÀ XƯỞNG (30,5M X 24,4M).....

Địa điểm xây dựng: KP. Tân Bình, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Việt Nam).....

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH TV-TK-XD Thịnh Việt Phát.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông, phục vụ chữa cháy;
- Khoảng cách PCCC; Điều kiện thoát nạn;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, bọt (Foam);

.....theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 27.....

Bình Dương, ngày 17 tháng 3 năm 2016

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Việt Nam)
- Lưu: Phòng CS PCCC số 5;
- Lưu: P2(2).....



GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

[illegible]

Số: 468/TD-PCCC-P2.....

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số.....(Đơn).....
ngày 10/5 /2016 của: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIỆT NAM).....

Người đại diện là ông/bà: Huang Kuo Lung Chức danh: T.Giám đốc.....

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG CHỨNG NHẬN:

Công trình:..... NHÀ KHO (30M X 56M).....

Địa điểm xây dựng: KP.Tân Bình, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Việt Nam).....

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH TV-TK-XD Thịnh Việt Phát.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy;.....
- Khoảng cách PCCC; Điều kiện thoát nạn......
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường;.....
- Hệ thống báo cháy tự động;.....
- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler.....

.....theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.....

Bình Dương..., ngày 17 tháng 6 năm 2016.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Việt Nam)
- Lưu: Phòng CS PCCC số 5;
- Lưu: P2 (TDKT);



GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

[illegible]

Số: 52/TD-PCCC-...P2...

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01-2016/TU ngày 20/12/2016 của: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIỆT NAM)

Người đại diện là ông/bà: Huang Kuo Lung Chức danh: T. Giám đốc

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG CHỨNG NHẬN:

NHÀ XƯỞNG (54,4M X 30,5M)

Công trình: KP Tân Bình, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Địa điểm xây dựng: Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Việt Nam)

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thịnh Việt Phát

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thịnh Việt Phát

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy;
- Khoảng cách PCCC; Điều kiện thoát nạn.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 21

Bình Dương, ngày 18 tháng 01 năm 2017
GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Tien Yu Enterprise (Việt Nam)
- Phòng CS PCCC số 5;
- Lưu: P2 (TDKT);



Đại tá Nguyễn Văn Sơn

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

[illegible]

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/CV ngày 14/ 5 / 2010
của: CÔNG TY TNHH TIỀN YU ENTERPRISE (VIỆT NAM)

Người đại diện là ông/ bà: Huang, Kuo, Lung Chức danh Tổng giám đốc
(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT - GD3
Địa điểm: xã Tân Hiệp - huyện Tân Uyên - tỉnh Bình Dương
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Tiên Yu Enterprise (Việt Nam)
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: CTY TNHH XD&TK C.D.E; CTY TNHH TM DV Phú Thanh Long
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:
- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động

.....theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3) Thiết kế hệ thống chống sét đánh thẳng và hệ thống điện theo tiêu chuẩn hiện hành
Thiết kế đèn chiếu sáng sự cố, Exit thoát hiểm cho công trình
Thiết kế cho nhà xưởng 02 cửa thoát hiểm, mục 7 TCVN 2622-95
Trang bị bình chữa cháy các loại đảm bảo 50m2/bình mục 5.13 bảng 2 TCVN 3890-2009
Tổ chức nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động

Thủ Dấu Một ngày 18 tháng 5 năm 20 10

Nơi nhận:

..... Cục CS PCCC (Báo cáo)
..... Công ty TNHH Tiên Yu Enterprise (Việt Nam)
..... Lưu Phòng CS PCCC Bình Dương

(4) TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC



(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

10



**TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**



Cơ quan: Trung tâm Quan trắc -
Kỹ thuật TNMT
Email: quantrac.tramt@binhduong.gov.vn

PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 552 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2022

1. Tên mẫu: KHÔNG KHÍ
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu: 17/02/2022
4. Điều kiện lấy mẫu: nắng
5. Ngày nhận mẫu: 18/02/2022
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỞNG
8. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0222-40482		
1	Nitơ dioxit (NO ₂) (µg/m ³)	TCVN 6137-2009	22,2	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	200
2	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) (µg/m ³)	TCVN 5971-1995	< 10 (**)	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	350
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (µg/m ³)	TCVN 5067-1995 (*)	73	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	300
4	Nhiệt độ (°C)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	30,9	-	-
5	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	61,3	-	-
6	Cacbon oxit (CO) (µg/m ³)	HD-TN-CO	< 2.500 (**)	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	30.000
7	Tiếng ồn (Leq) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	66,7	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0222-40482		
8	Tiếng ồn (L _{max}) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	70,3	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70
9	Tiếng ồn (L _{min}) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	64,2	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
DV0222-40482: Khu vực công bảo vệ
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=14356>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

GIÁM ĐỐC



*** TẠO MẠNH QUÂN**



**TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**



Cơ quan: Trung tâm Quan trắc -
Kỹ thuật TNMT
Email: quantrac.tnmt@binhduong.gov.vn

PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 552 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2022

1. Tên mẫu: KHÔNG KHÍ
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu: 17/02/2022
4. Điều kiện lấy mẫu: nắng
5. Ngày nhận mẫu: 18/02/2022 Ngày thử nghiệm: 18/02/2022
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
8. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả			Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0222- 63159	DV0222- 37958	DV0222- 36376		
1	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	63,8	63,5	62,4	-	-
2	Tiếng ồn (Lmin) (dB(A))	TCVN 7878- 2:2010 (*)	72,3	73,7	71,5	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
3	Tiếng ồn (Lmax) (dB(A))	TCVN 7878- 2:2010 (*)	78,6	79,2	77,2	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
4	Tiếng ồn (Leq) (dB(A))	TCVN 7878- 2:2010 (*)	74,2	75,1	73,8	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
5	Nhiệt độ (°C)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	30,4	30,6	30,8	-	-
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (µg/m ³)	TCVN 5067- 1995 (*)	43	55	49	QCVN 02:2019/BYT	8.000
7	Toluen (µg/m ³)	NIOSH method 1501	< 5 (**)	-	-	-	-

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả			Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0222- 63159	DV0222- 37958	DV0222- 36376		
8	Xylen ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	NIOSH method 1501	< 5 (**)	-	-	QCVN 03:2019/BYT - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc	100.000
9	Độ sáng (Lux)	QCVN 22:2016/BYT	476	481	465	-	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
DV0222-63159: Khu vực nhà xưởng 1
DV0222-37958: Khu vực nhà xưởng 2
DV0222-36376: Khu vực nhà xưởng 3
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (i) Phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=14392>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM


ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

GIÁM ĐỐC


**TRUNG TÂM
QUAN TRẮC KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG**
BÌNH DƯƠNG
TRẦN MẠNH QUÂN



**TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**



Cơ quan: Trung tâm Quan trắc -
Kỹ thuật TNMT
Email: quantrac.tnmt@binhduong.gov.vn

PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 552 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2022

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu: 17/02/2022
4. Điều kiện lấy mẫu: nắng
5. Ngày nhận mẫu: 18/02/2022
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
8. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	Quy chuẩn QCVN 40- 2011/ BTNMT (A)
					DV0222-47934		
1	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	10	-	32,4
2	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	0,36	± 0,02	4,32
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	22	± 2	81
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	23	± 2	54
5	Tổng Nitơ	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	3,4	± 0,2	21,6
6	Xác định pH	-	0 - 14	TCVN 6492-2011 (*)	7,2	-	6-9
7	Coliform	MPN/100 mL	3	TCVN 6187-2-1996 (*)	640	-	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): kq: 0.9; kf: 1.2;
- Vị trí lấy mẫu:
DV0222-47934: Sau hệ thống xử lý nước thải
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=14355>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

GIÁM ĐỐC



TS. TẠO ANH QUÂN



**TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 1443 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 20 tháng 04 năm 2022

- Tên mẫu:** NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu:** 12/04/2022
- Điều kiện lấy mẫu:** nắng
- Ngày nhận mẫu:** 13/04/2022
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu:** PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:**

Ngày thử nghiệm: 13/04/2022

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	Quy chuẩn QCVN 40- 2011/ BTNMT (A)
					DV0422-83583		
1	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	6	-	32,4
2	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	0,01	-	4,32
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	13	± 1	81
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	7	± 1	54
5	Tổng Nitơ	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	5,6	± 0,3	21,6
6	Xác định pH	-	0 - 14	TCVN 6492-2011 (*)	6,8	-	6-9
7	Coliform	MPN/100 mL	3	TCVN 6187-2-1996 (*)	430	-	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): kq: 0,9; kf: 1,2;
- Vị trí lấy mẫu:
DV0422-83583: Sau hệ thống xử lý nước thải
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=16127>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

GIÁM ĐỐC



TẠO MẠNH QUÂN



**TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**



Cơ quan: Trung tâm Quan trắc -
Kỹ thuật TNMT, Tỉnh Bình Dương
Email:
quantrac.tnmt@binhduong.gov.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

PL6 - TT - TN - QLM

Số: 2966 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2022

1. Tên mẫu: KHÔNG KHÍ

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 12/07/2022

4. Điều kiện lấy mẫu: nắng

5. Ngày nhận mẫu: 13/07/2022

Ngày thử nghiệm: 13/07/2022

6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương

7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

8. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả			Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0722-34541	DV0722-28186	DV0722-64578		
1	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	66,7	66,2	65,4	-	-
2	Tiếng ồn (Lmin) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	72,7	72,9	72,2	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
3	Tiếng ồn (Lmax) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	79,4	78,6	79,6	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
4	Tiếng ồn (Leq) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	75,2	74,3	75,8	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
5	Nhiệt độ (°C)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	30,9	31,2	31,3	-	-
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (µg/m ³)	TCVN 5067-1995 (*)	32	38	41	QCVN 02:2019/BYT	8.000
7	Toluen (µg/m ³)	NIOSH method 1501	<5 (**)	-	-	-	-

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả			Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0722-34541	DV0722-28186	DV0722-64578		
8	Xylen ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	NIOSH method 1501	< 5 (**)	-	-	QCVN 03:2019/BYT - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc	100.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

DV0722-34541: Khu vực nhà xưởng 1

DV0722-28186: Khu vực nhà xưởng 2

DV0722-64578: Khu vực nhà xưởng 3

- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025

- (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=18598>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

GIÁM ĐỐC



TÀO MẠNH QUÂN



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



Cơ quan: Trung tâm Quan trắc - Kỹ
thuật TNMT, Tỉnh Bình Dương
Email:
quantrac.tnmt@binhduong.gov.vn

PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 2966 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2022

1. Tên mẫu: KHÔNG KHÍ

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 12/07/2022

4. Điều kiện lấy mẫu: nắng

5. Ngày nhận mẫu: 13/07/2022

Ngày thử nghiệm: 13/07/2022

6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương

7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

8. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0722-03683		
1	Nitơ đioxit (NO ₂) (µg/m ³)	TCVN 6137-2009	27,9	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	200
2	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) (µg/m ³)	TCVN 5971-1995	< 10 (**)	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	350
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (µg/m ³)	TCVN 5067-1995 (*)	79	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	300
4	Nhiệt độ (°C)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	31,6	-	-
5	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	59,9	-	-
6	Cacbon oxit (CO) (µg/m ³)	HD-TN-CO	< 2.500 (**)	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	30.000
7	Tiếng ồn (Leq) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	65,8	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0722-03683		
8	Tiếng ồn (Lmax) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	69,2	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70
9	Tiếng ồn (Lmin) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	62,1	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
DV0722-03683: Khu vực cổng bảo vệ
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=18498>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM


ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

GIÁM ĐỐC



***TẠO MẠNH QUÂN**



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



Cơ quan: Trung tâm Quan trắc -
Kỹ thuật TNMT, Tỉnh Bình Dương
Email: quantrac.tnmt@binhduong.gov.vn

PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 2966 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2022

- Tên mẫu:** NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu:** 12/07/2022
- Điều kiện lấy mẫu:** nắng
- Ngày nhận mẫu:** 13/07/2022
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu:** PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:**

Ngày thử nghiệm: 13/07/2022

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P=95%)	Quy chuẩn QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
					DV0722-24730		
1	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	6	-	32,4
2	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	0,03	-	4,32
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	13	± 1	81
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	5	-	54
5	Tổng Nitơ	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	14	± 1	21,6
6	Xác định pH	-	0 - 14	TCVN 6492-2011 (*)	6,8	-	6-9
7	Coliform	MPN/100 mL	3	TCVN 6187-2-1996 (*)	930	-	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): kq: 0,9; kf: 1,2;
- Vị trí lấy mẫu:
DV0722-24730: Sau hệ thống xử lý nước thải
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=18497>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

GIÁM ĐỐC



TÀO MẠNH QUÂN



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



Cơ quan: Trung tâm Quan trắc -
Kỹ thuật TNMT, Tỉnh Bình Dương
Email: quantrac.tnmt@binhduong.gov.vn

PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 4693 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 01 tháng 11 năm 2022

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu: 17/10/2022
4. Điều kiện lấy mẫu: Nắng
5. Ngày nhận mẫu: 18/10/2022
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
8. Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 18/10/2022

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U(k=2, P=95%)	Quy chuẩn QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
					DV1022-44918		
1	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	6	-	32,4
2	Tổng Phot pho (tính theo P)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	< 0,005 (**)	-	4,32
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /l.	10	TCVN 6491-1999 (*)	13	± 1	81
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l.	5	TCVN 6625 -2000 (*)	< 5 (**)	-	54
5	Xác định pH	-	0 - 14	TCVN 6492-2011 (*)	7,3	-	6-9
6	Coliform	MPN/100 mL	3	TCVN 6187-2-1996 (*)	280	-	3.000
7	Tổng Nito	mg/l.	2	TCVN 6638-2000 (*)	5,6	± 1	21,6

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): kq: 0,9; kf: 1,2;
- Vị trí lấy mẫu:
DV1022-44918: Sau hệ thống xử lý nước thải
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=20929>

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BUI HONG NGA

**KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*** NGUYỄN CHÍ CƯỜNG**



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 840 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 14 tháng 03 năm 2023

1. Tên mẫu: KHÔNG KHÍ
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu: 27/02/2023
4. Điều kiện lấy mẫu: nắng
5. Ngày nhận mẫu: 28/02/2023
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
8. Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 28/02/2023

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả			Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0223- 46151	DV0223- 63198	DV0222- 71907		
1	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	66,2	65,8	64,7	-	-
2	Tiếng ồn (Lmin) (dB(A))	TCVN 7878- 2:2010 (*)	70,2	71,6	72,1	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
3	Tiếng ồn (Lmax) (dB(A))	TCVN 7878- 2:2010 (*)	77,9	78,4	79,7	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
4	Tiếng ồn (Leq) (dB(A))	TCVN 7878- 2:2010 (*)	73,6	74,8	75,3	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
5	Nhiệt độ (°C)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	30,8	31,1	31,2	-	-
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (µg/m ³)	TCVN 5067- 1995 (*)	64	67	64	QCVN 02:2019/BYT	8.000
7	Toluen (µg/m ³)	NIOSH method 1501	< 5 (**)	-	-	-	-

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả			Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0223- 46151	DV0223- 63198	DV0222- 71907		
8	Xylen ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	NIOSH method 1501	< 5 (**)	-	-	QCVN 03:2019/BYT - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc	100.000
9	Độ sáng (Lux)	QCVN 22:2016/BYT	356	370	365	-	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
DV0223-46151: Khu vực nhà xưởng 1
DV0223-63198: Khu vực nhà xưởng 2
DV0223-71907: Khu vực nhà xưởng 3
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 840 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 14 tháng 03 năm 2023

- Tên mẫu: KHÔNG KHÍ
 - Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
 - Ngày lấy mẫu: 27/02/2023
 - Điều kiện lấy mẫu: nắng
 - Ngày nhận mẫu: 28/02/2023
 - Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
 - Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
 - Kết quả:
- Ngày thử nghiệm: 28/02/2023

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0223-15215		
1	Nitơ dioxit (NO ₂) (µg/m ³)	TCVN 6137-2009	22,7	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	200
2	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂) (µg/m ³)	TCVN 5971-1995	< 10 (**)	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	350
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (µg/m ³)	TCVN 5067-1995 (*)	61	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	300
4	Nhiệt độ (°C)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	31,6	-	-
5	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	58,8	-	-
6	Cacbon oxit (CO) (µg/m ³)	HD-TN-CO	< 2.500 (**)	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	30.000
7	Tiếng ồn (Leq) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	64,3	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0223-15215		
8	Tiếng ồn (Lmax) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	67,8	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70
9	Tiếng ồn (Lmin) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	61,2	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
DV0223-15215: Khu vực cổng bảo vệ
- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

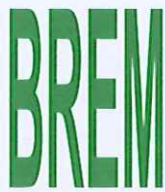


ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 840 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 14 tháng 03 năm 2023

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 27/02/2023
- Điều kiện lấy mẫu: nắng
- Ngày nhận mẫu: 28/02/2023
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 28/02/2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	Quy chuẩn QCVN 40- 2011/ BTNMT (A)
					DV0223-02362		
1	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	5	-	32,4
2	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	< 0,005 (**)	± 0,02	4,32
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	13	± 2	81
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	7	± 2	54
5	Tổng Nitơ	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	14,9	± 0,2	21,6
6	Xác định pH	-	0 - 14	TCVN 6492-2011 (*)	7,4	-	6-9
7	Coliform	MPN/100 mL	3	TCVN 6187-2-1996 (*)	390	-	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): kq: 0,9; kf: 1,2;
 - Vị trí lấy mẫu:
DV0223-02362: Sau hệ thống xử lý nước thải
 - (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
 - (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
- Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 3935 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 21 tháng 09 năm 2023

1. Tên mẫu: KHÔNG KHÍ
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu: 10/09/2023
4. Điều kiện lấy mẫu:
5. Ngày nhận mẫu: 11/09/2023 Ngày thử nghiệm: 11/09/2023
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
8. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả			Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0923-91783	DV0923-69867	DV0923-30709		
1	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2012/ BTNMT (*)(**)	75,2	75,6	76,4	-	-
2	Tiếng ồn (Lmin) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)(**)	73,8	71,2	72,5	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
3	Tiếng ồn (Lmax) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)(**)	81,3	79,4	79,4	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
4	Tiếng ồn (Leq) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)(**)	78,7	76,5	77,2	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
5	Nhiệt độ (°C)	QCVN 46:2012/ BTNMT (*)(**)	29,6	29,8	30,3	-	-
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (µg/m ³)	TCVN 5067-1995 (*)(**)	66	64	61	QCVN 02:2019/BYT	8.000
7	Toluen (µg/m ³)	NIOSH method 1501(**)	< 5 (***)	-	-	-	-

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả			Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0923-91783	DV0923-69867	DV0923-30709		
8	Xylen ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	NIOSH method 1501(**)	< 5 (***)	-	-	QCVN 03:2019/BYT - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc	100.000
9	Độ sáng (Lux)	QCVN 22:2016/BYT(**)	757	816	793	-	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
DV0923-91783: Khu vực nhà xưởng 1
DV0923-69867: Khu vực nhà xưởng 2
DV0923-30709: Khu vực nhà xưởng 3
 - (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
 - (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
 - (***) : Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.
Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/fZ4Jp>

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 3935 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 21 tháng 09 năm 2023

- Tên mẫu: KHÔNG KHÍ
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 10/09/2023
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 11/09/2023 Ngày thử nghiệm: 11/09/2023
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0923-02281		
1	Nitơ dioxit (NO ₂) (µg/m ³)	TCVN 6137-2009(**)	29,3	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	200
2	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂) (µg/m ³)	TCVN 5971-1995(**)	< 10 (***)	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	350
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (µg/m ³)	TCVN 5067-1995 (*)(**)	66	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	300
4	Nhiệt độ (°C)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)(**)	28,7	-	-
5	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)(**)	77,4	-	-
6	Cacbon oxit (CO) (µg/m ³)	HD-TN-CO(**)	< 2.500 (***)	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	30.000

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0923-02281		
7	Tiếng ồn (Leq) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)(**)	62,7	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70
8	Tiếng ồn (Lmax) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)(**)	66,7	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70
9	Tiếng ồn (Lmin) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)(**)	59,3	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

DV0923-02281: Khu vực bên ngoài cổng bảo vệ

-(*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025

-(**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)

-(***) : Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại [https://cenlab-](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/R1X82)

[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/R1X82](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/R1X82)

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BUI HONG NGA



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 3935 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 21 tháng 09 năm 2023

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 10/09/2023
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 11/09/2023 Ngày thử nghiệm: 11/09/2023
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0923-16445	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
1	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1-2008 (***)	8	32,4
2	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202-2008 (***)	0,2	4,32
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491-1999 (***)	18	81
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (***)	18	54
5	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638-2000 (***)	9,8	21,6
6	Xác định pH	-	TCVN 6492-2011 (***)	7,1	6-9
7	Coliform	MPN/ 100 mL	TCVN 6187-2-1996 (***)	280	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): kq: 0,9; kf: 1,2;

- Vị trí lấy mẫu:

DV0923-16445: Sau hệ thống xử lý nước thải

- (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025

- (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab->

v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/wqrhU

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BUI HONG NGA

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 5348 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 05 tháng 12 năm 2023

- Tên mẫu:** NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu:** 27/11/2023
- Điều kiện lấy mẫu:**
- Ngày nhận mẫu:** 28/11/2023 **Ngày thử nghiệm:** 28/11/2023
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE VIỆT NAM
Địa chỉ: Tân Uyên, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu:** PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:**

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV1123-88917	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
1	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1-2021 (*)(**)	16	32,4
2	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202-2008 (*)(**)	0,54	4,32
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491-1999 (*)(**)	35	81
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)(**)	17	54
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)(**)	8,4	21,6
6	Xác định pH	-	TCVN 6492-2011 (*)(**)	7,2	6-9
7	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023(**)	1.000	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): kq: 0,9; kf: 1,2;

- Vị trí lấy mẫu:

DV1123-88917: Sau hệ thống xử lý nước thải

- (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025

- (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab->

[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/yveYm](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/yveYm)

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

ThS. BUI HỒNG NGA

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

Số: ~~543~~ -RNH/HĐ – KT/22

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Công Ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam)

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 16 ngày 28/10/2021) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại Mã Số QLCT nguy hại: 74.000.550.T do chi cục bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công Ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam) ngày 08 tháng 10 năm 2009.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công Ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam) theo giấy chứng nhận Đầu tư số: 461023000423 do UBND Tỉnh Bình Dương cấp ngày 30 tháng 06 năm 2008.

Hôm nay, ngày 21 tháng 06 năm 2022 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM)

Địa chỉ: Khu Phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Mã số thuế: 3700442746


Điện thoại: 02743652068 Fax : 02743652168

Người đại diện Ông/Bà: **SU JUI CHANG**

Chức vụ: Giám đốc

Mã khách hàng: 3700442746TU00

Ngành sản xuất: Sản xuất sơn và dung môi pha sơn.

 Trang

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.543528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó giám đốc CN Làm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 09/UQ-XLCT.NSQT ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần/ tháng vào ngày thứ 04 tuần thứ 03 hàng tháng (trừ ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận: Công Ty TNHH Tien Yu Enterprise (Viet Nam)). (Địa chỉ: Khu Phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương).

 Trang 2

CHỖ
CHỮ
KÝ
CÁC
ĐƠN
VỊ
HỌC
BÌNH
DƯƠNG

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Bao bì, can thùng đựng dầu nhớt, hóa chất, dung môi màu thải	Rắn	18 01 01	Thiêu đốt	1.500	500.000
02	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, sơn, dung môi, hóa chất, màu thải	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	6.000	
03	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	Thiêu đốt	4.000	
04	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - Tây rửa	10.000	
05	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	Thiêu đốt	3.000	
06	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/ Chôn	15.000	
07	Hóa chất thải	Rắn	19 05 04	Thiêu đốt	7.000	
08	Dung môi thải	Lỏng	08 03 01	Thiêu đốt	1.000	
09	Dung môi lẫn sơn thải	Lỏng	08 01 05	Tái chế	1.000	
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	bùn	12 06 06	Thiêu đốt/ Chôn	6.500	

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Công ty TNHH Tien Yu	tienyupaintmax@gmail.com	02743652067

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN


3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1– khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2– Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.

 Trung 4f

- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện Chứng từ CTNH theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 06 năm 2024 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

CÔNG TY TNHH MTV TM DV MT
KHANG BẢO
Số: 24/HĐ2023

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THU GOM RÁC THẢI

- Căn cứ vào Bộ Luật dân sự ban hành ngày 14.06.2005 có hiệu lực ngày 01.07.2005 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
- Căn cứ quyết định số 04/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn Tỉnh Bình Dương nói chung và Thị Xã Tân Uyên nói riêng.
- Căn cứ Công Văn số 1807/UBND-SX ngày 05/09/2014 của UBND Thị Xã Tân Uyên về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn thị xã Tân Uyên.
- Căn cứ vào các văn bản có liên quan
- Căn cứ vào yêu cầu của **CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM)**
- Căn cứ vào chức năng và khả năng của **CÔNG TY TNHH MTV TM DV MT KHANG BẢO**.

Hôm nay, ngày 1 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở **CÔNG TY TNHH MTV TM DV MT KHANG BẢO**, địa chỉ 582 Đường Mỹ Phước-Tân Vạn, Khu Phố Đông Thành, P.Tân Đông Hiệp, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam chúng tôi gồm các bên:

Bên A:

Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH MTV TM DV MÔI TRƯỜNG KHANG BẢO**

Đại diện: **Bà Hồ Thị Hồng Lan**

Chức Vụ : **Giám Đốc**

Điện thoại: 0918.633.779

Địa Chỉ: 582 Đường Mỹ Phước-Tân Vạn, Khu Phố Đông Thành, P.Tân Đông Hiệp, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

MST: 3702296120

Tài Khoản NH: 111 000 127 467 tại Ngân Hàng Công Thương Việt Nam-Bình Dương-Phòng Giao Dịch Dĩ An.

Bên B:

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM).**

Địa chỉ trụ sở chính : Thửa đất số 250, Tờ bản đồ số 26, Khu Phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Mã số thuế : 3700442746

Người đại diện :

Chức vụ: Giám Đốc

Điện thoại :

Fax:

Sau khi bàn bạc, thoả thuận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý rác thải với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: TRÁCH NHIỆM BÊN A:



- Bên A có trách nhiệm thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh tại địa điểm trên.
- Thời Gian thu gom 3 ngày/1 lần.
- Trong quá trình thu gom và vận chuyển, Bên A không gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh, không cản trở hoạt động sản xuất của Bên B.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM BÊN B:

- Bên B đồng ý cho Bên A thu gom rác thải sinh hoạt tại địa chỉ:
Thửa đất số 250, Tờ bản đồ số 26, Khu Phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Bên B có trách nhiệm đóng lệ phí thu gom rác thải cho Bên A. Hàng tháng Bên A thu gom tiền lệ phí tại địa điểm thu gom.
- Bên B có trách nhiệm thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt, tập trung rác thải sinh hoạt tại vị trí thích hợp, không ảnh hưởng tới môi trường xung quanh để Bên A thực hiện việc thu gom.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

- Đơn Giá: **1.500.000 đồng/tháng** (Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT).
- Bảng Chữ: **Một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.**
- Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Bên A sẽ xuất hoá đơn tài chính cho Bên B vào đợt lấy rác thải lần 1.

ĐIỀU 4: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG:

Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023.
Sau thời gian này hai bên ký hợp đồng mới.

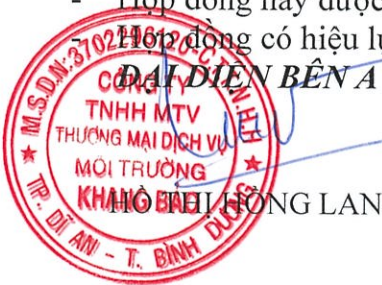
ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc thì hai bên cùng trao đổi, bàn bạc và giải quyết theo tinh thần hợp tác, đảm bảo hài hoà lợi ích giữa các bên. Bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Trường hợp 1 trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho phía bên kia biết trước một tháng bằng văn bản.
- Hợp đồng này được lập thành **02** bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



Liên 3: màu hồng (Giao khách hàng)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 18471 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Tri, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 02743.543.644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2:Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TIỀN YU ENTERPRISE Mã số QLCTNH: 74.00.550.1

Địa chỉ văn Phòng: (VIỆT NAM) ĐT:

Địa chỉ cơ sở: KP Tân Bình, Phường Hiệp Tân, Quận Bình Tân DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 67C 32 KXe

7.1. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Anh Tuấn Ký: T. Tuấn Ngày: 15/11/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 11 tháng 11 năm 2013

Bệnh nhân ngày 15 tháng 11 năm 2013

@ Liên số

2□

3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

PHÓ GIÁM ĐỐC 4 ☒

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 20719 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Tri, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.543.644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**

Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: COMPANY TIEN YU ENTERPRISE Mã số QLCTNH: 74.000.550.5

Địa chỉ văn Phòng: (VIỆT NAM) ĐT:

Địa chỉ cơ sở: MP. Tân Bình. PTân Hiệp. Tân Uyên, Bình DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

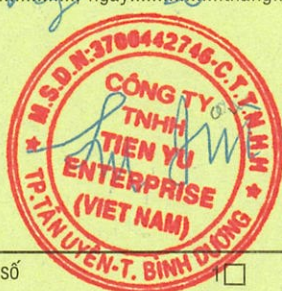
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Anh Tâm Ký: Tâm Ngày 20/12/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

HC ngày 22 tháng 12 năm 2023



@ Liên số

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

SU JUI CHANG

Số: 1194 / 2023 / 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 02743.542.906 **Sổ Giấy phép môi trường**

DT: 02743.543.644 539/GPMT-BT|NM

Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công Ty TNHH TIỀN YU ENTERPRISE Mã số QLCTNH: 74008.550.T

Địa chỉ văn Phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: KP Tầm Bôn - PTầm Nếp, Tầm Uyên - Bôn Driêng DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảnh:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 82192

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Anh Tâm Ký: Tâm Ngày 17/01/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:.....Ngày.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bok Dông, ngày 17 tháng 01 năm 2024



LANE KUO LUNG

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

.....BC, ngày 19 tháng 1 năm 2024



Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

10

2□

37

4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 2421

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH TIEN YU ENTERPRISE (Việt Nam) (T2)

Mã số thuế (Tax code): 3700442746

Địa chỉ (Address): Thửa đất số 250, Tờ bản đồ số 26, Kp. Tân Bình, P. Tân Hiệp, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060061407

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2023 từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/12/2023	kWh	4.150	-	9.085.300
	(kèm theo bảng kê số 1334963022 ngày 04 tháng 01 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					9.085.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			726.824
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			9.812.124
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín triệu tám trăm mười hai nghìn một trăm hai mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 04/01/2024 15:29:02



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 1821

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM)

Mã số thuế (Tax code): 3700442746

Địa chỉ (Address): Khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060009383

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2023 từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/12/2023	kWh	8.070	-	16.409.030
	(kèm theo bảng kê số 1334962197 ngày 04 tháng 01 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					16.409.030
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.312.722
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			17.721.752
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười bảy triệu bảy trăm hai mươi một nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký 04/01/2024 17:18:04

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 60002

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM)

Mã số thuế (Tax code): 3700442746

Địa chỉ (Address): Khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060009383

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2024	kWh	8.550	-	17.275.050
	(kèm theo bảng kê số 1351526118 ngày 03 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					17.275.050
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.382.004
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			18.657.054
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười tám triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn không trăm năm mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 03/02/2024 15:47:08

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014****Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006-19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử***(Electronic invoice display)***Ngày (Date)** 03 tháng (month) 02 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial): 1K24THG****Số (No): 59458****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty TNHH TIEN YU ENTERPRISE (Việt Nam) (T2)**Mã số thuế (Tax code):** 3700442746**Địa chỉ (Address):** Thửa đất số 250, Tờ bản đồ số 26, Kp. Tân Bình, P. Tân Hiệp, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04060061407**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2024 (kèm theo bảng kê số 1351682851 ngày 03 tháng 02 năm 2024)	kWh	4.380	-	9.894.970
Cộng tiền hàng (Total amount):					9.894.970
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 791.598
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 10.686.568
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 03/02/2024 15:46:09

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 117159

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM)

Mã số thuế (Tax code): 3700442746

Địa chỉ (Address): Khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060009383

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	7.600	-	15.236.500
	(kèm theo bảng kê số 1362211908 ngày 03 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					15.236.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.218.920
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			16.455.420
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười sáu triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 03/03/2024 08:03:44

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 117865

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH TIEN YU ENTERPRISE (Việt Nam) (T2)

Mã số thuế (Tax code): 3700442746

Địa chỉ (Address): Thửa đất số 250, Tờ bản đồ số 26, Kp. Tân Bình, P. Tân Hiệp, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060061407

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	1.760	-	4.011.590
	(kèm theo bảng kê số 1362215194 ngày 03 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					4.011.590
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			320.927
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			4.332.517
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn triệu ba trăm ba mươi hai nghìn năm trăm mười bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 03/03/2024 08:02:07



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 13/1/2024 đến ngày: 12/2/2024

**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 650440

**Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Số BL: 665214

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM)

Địa chỉ KH: THỬA ĐẤT SỐ 250, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 26, KHU PHỐ TÂN BÌNH, PHƯỜNG TÂN HIỆP, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN,
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: .ĐT746 P.TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700442746

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoản	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8802.0201.25		02/2024	0	165	273	108
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 108	13.800	1.490.400		<div>Tiền nước: 1.490.400</div> <div>Tiền thuế GTGT 5% : 74.520</div> <div>Phí BV môi trường : 0</div>		
Tổng số tiền phải trả: 1.564.920				Ngày 17 tháng 02 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Một triệu năm trăm sáu mươi tư ngàn chín trăm hai mươi đồng				<div>Signature Valid</div> <div>Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG</div> <div>Ký ngày: 17/02/2024 09:00:34</div>		

廠商編號: 7001 1月份水费

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 13/2/2024 đến ngày: 12/3/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 993893

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 984358

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM)

Địa chỉ KH: THỬA ĐẤT SỐ 250, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 26, KHU PHỐ TÂN BÌNH, PHƯỜNG TÂN HIỆP, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN,
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: . ĐT746 P.TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700442746

Danh bộ 8802.0201.25		Kỳ/Năm 03/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 273	Chỉ số mới 353	M ³ Tiêu thụ 80
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 80	13.800	1.104.000		<div>Tiền nước: 1.104.000 Tiền thuế GTGT 5% : 55.200 Phí BV môi trường : 0</div>		
<div>Tổng số tiền phải trả: 1.159.200 Bằng chữ: Một triệu một trăm năm mươi chín ngàn hai trăm đồng</div>				<div>Ngày 13 tháng 03 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC</div> <div><div>Signature Valid</div><div>Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 13/03/2024 08:45:29</div></div>		

廠商編號:7002 02月份水費

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 13/12/2023 đến ngày: 12/1/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 235912

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI

TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 247720

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM)

Địa chỉ KH: THỪA ĐẤT SỐ 250, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 26, KHU PHỐ TÂN BÌNH, PHƯỜNG TÂN HIỆP, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN,
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

DCLD: . ĐT746 P.TÂN HIỆP, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700442746

Danh bộ 8802.0201.25		Kỳ/Năm 01/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 106	Chỉ số mới 165	M ³ Tiêu thụ 59
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 59	13.800	814.200		<div>Tiền nước: 814.200 Tiền thuế GTGT 5% : 40.710 Phí BV môi trường : 0</div>		
<div>Tổng số tiền phải trả: 854.910 Bằng chữ: Tám trăm năm mươi tư ngàn chín trăm mười đồng</div>				<div>Ngày 13 tháng 01 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC</div> <div>Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 13/01/2024 09:39:06</div>		

廠商編號:7002

12月份水費

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TKB

Số (No.): 100

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 30 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHANG BẢO

Mã số thuế (Tax code): 3702296120

Địa chỉ (Address): 582 Đường Mỹ Phước - Tân Vạn, khu phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0918633779

Fax:

Website:

Số tài khoản (Account No.): 111 000 127 467

Ngân hàng (Bank): VietinBank CN Dĩ An

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TIỀN YU ENTERPRISE (VIET NAM)

Mã số thuế (Tax code): 3700442746

Địa chỉ (Address): Thửa đất số 250, Tờ bản đồ số 26, Khu Phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

Số tài khoản (Account No.):

Ghi chú (Note):

Số đơn hàng (Bill No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí vận chuyển và thu gom rác thải sinh hoạt tháng 03 năm 2024	Tháng	1	1.700.000	1.700.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.700.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			136.000
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment):					1.836.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature valid
Ký bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHANG BẢO
Ký ngày 30/03/2024

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TKB

Số (No.): 23

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 29 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHANG BẢO

Mã số thuế (Tax code): 3702296120

Địa chỉ (Address): 582 Đường Mỹ Phước - Tân Vạn, khu phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0918633779

Fax:

Website:

Số tài khoản (Account No.): 111 000 127 467 Ngân hàng (Bank): VietinBank CN Dĩ An

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM)

Mã số thuế (Tax code): 3700442746

Địa chỉ (Address): Thửa đất số 250, Tờ bản đồ số 26, Khu Phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

Số tài khoản (Account No.):

Ghi chú (Note):

Số đơn hàng (Bill No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí vận chuyển và thu gom rác thải sinh hoạt tháng 01 năm 2024	Tháng	1	1.700.000	1.700.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.700.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			136.000
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment):					1.836.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature valid
Ký bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHANG BẢO
Ký ngày 29/01/2024

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TKB

Số (No.): 58

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 23 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHANG BẢO

Mã số thuế (Tax code): 3702296120

Địa chỉ (Address): 582 Đường Mỹ Phước - Tân Vạn, khu phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0918633779

Fax:

Website:

Số tài khoản (Account No.): 111 000 127 467 Ngân hàng (Bank): VietinBank CN Dĩ An

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TIEN YU ENTERPRISE (VIET NAM)

Mã số thuế (Tax code): 3700442746

Địa chỉ (Address): Thửa đất số 250, Tờ bản đồ số 26, Khu Phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

Số tài khoản (Account No.):

Ghi chú (Note):

Số đơn hàng (Bill No.):

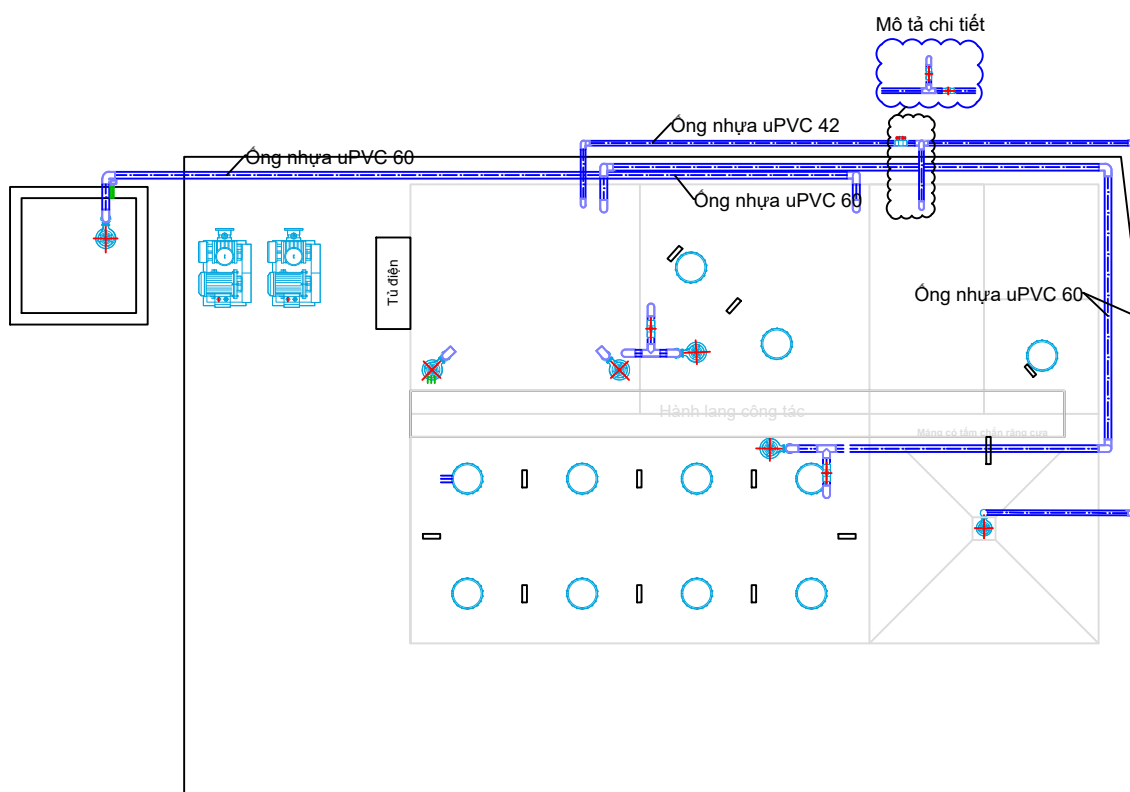
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí vận chuyển và thu gom rác thải sinh hoạt tháng 02 năm 2024	Tháng	1	1.700.000	1.700.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.700.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			136.000
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment):					1.836.000

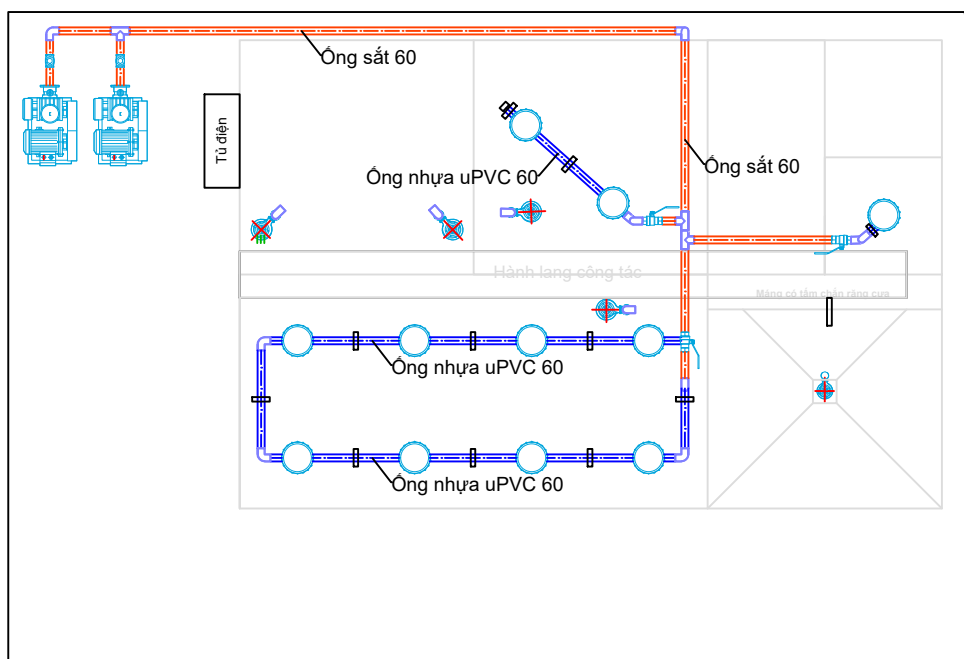
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature valid
Ký bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHANG BẢO
Ký ngày 23/02/2024

[illegible]



Bản vẽ đường ống khí

Chức vụ và Chức danh		
Thẩm định thiết kế Inspection authority:		
Mục đích phát hành Issued for:		
Ngày Duyệt:	Ngày:	Mô tả Description:
Hội đồng xét duyệt Project		
Chức vụ Position:		
Tư vấn Thiết kế Consultant:		
CÔNG TY MÔI TRƯỜNG LÊ GIA		
Số tài khoản 0702040, Nguyễn Đình Thôn, Hiệp Thành, Thủ Đức Hồ Chí Minh		
Giám đốc Director:		
Lê Gia Tuấn		
Chỉ định dự án Project manager:		
Lê Gia Tuấn		
Chủ trì Chủ trì:		
Trần Văn Tuấn		
Kiểm tra Check by:		
Trần Văn Tuấn		
Thẩm kế Designed by:		
Nguyễn Văn Tuấn		
Vật Drawing by:		
Trần Văn Tuấn		
Tên dự án Project name:		
Dự án xử lý nước thải sinh hoạt - công ty TNHH Công Ty TNHH Lê Gia Tuấn		
Hạng mục Items:		
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt		
Công suất (m³/ngày) Capacity (m³/day):		
100 m³/ngày		
Phân bổ vật Drawing title:		
Tỷ lệ Scale:	Đơn vị Unit:	Ngày Date:
Bản vẽ số Drawing no.:		Tổng Total:

6000



- | | | |
|----------------|-------------------|------------------|
| 1: Bể điều hoà | 2: Bể Anoxic | 3: Bể Aerotank |
| 4: Bể lắng | 5A: Bể trung gian | 5B: Bể khử trùng |
| 6: Bể chứa bùn | | |

Bản vẽ mặt bằng

Chú đầu tư Investor:

Thẩm định bởi: _____/Inspection authority: _____

[illegible]

MSU when chi chi/ You stay

Chap. V Notes

Tư vấn bởi: M/Consultant

CÔNG TY MÔI TRƯỜNG LÊ GIA

Địa chỉ: 273/20/6, Nguyễn Đức Thuận, Hiệp Thành, Thủ Đức, Hồ Chí Minh

Gian Thị Trương L2 Văn Tấn	
Chiến lược & dự án Project manager: L2 Văn Tấn	
Chuẩn Chief Chức Năng Văn	
Kiểm tra/Check by Chức Năng Văn	
Thủ tài/Đóng dấu by Nguyễn L2 Cao Kiên	
Vũ Thảo Vy Phong L2 Văn Tấn	

Table 1. (continued)

May 1998

Tân bản vẽ/ Drawing title:

Tỷ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
Biên vẽ số/ Drawing no.:		Tổng/ Total:

Technical drawing of a floor plan showing two rooms, labeled 3 and 4.

- Room 3 is a rectangle with dimensions 4000 (width) and 3500 (height).
- Room 4 is a rectangle with dimensions 2000 (width) and 1000 (height), featuring a V-shaped cutout at the bottom center. The cutout has a depth of 300 and a width of 200.
- A red arrow indicates the level $+0.0m$.

1: Bể điều hoà	2: Bể Anoxic	3: Bể Aerotank
4: Bể lắng	5A: Bể trung gian	5B: Bể khử trùng
6: Bể chứa bùn		

[illegible]

Diagram illustrating a rectangular area divided into four vertical sections. The total height is 3500. The total width is 5000, divided into sections of 2000, 2000, 1000, and 1000. The sections are labeled 1, 2, 6, and 5A respectively. A red arrow points to the bottom left corner with the label +0.0m.

1: Bể điều hoà 2: Bể Anoxic 3: Bể Aerotank
4: Bể lắng 5A: Bể trung gian 5B: Bể khử trùng
6: Bể chứa bùn

Bản vẽ mặt cắt B-B

[illegible]



QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. Nguyễn Duy Dũng

Ký tên:

500 000

1102

CÔNG TY TNHH TIENYU
ENTERPRISE (VIETNAM)



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
THIẾT KẾ XÂY DỰNG
THỊNH VIỆT PHÁT



THIẾT KẾ

KTS. NGUYỄN HOÀNG QUÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. DĂNG MINH HIẾP

Mục Dịch Phát Hành
Issued For

Thiết Kế Sơ Bộ ☐ Preliminary

Xin Phép ☒ Ask Permission

Thi Công ☐ Construction

Hệ Số Chính
Revision

Ngày
Date

Thay Đổi
Change

CÔNG TRÌNH:

NHÀ XƯỞNG & NHÀ KHO

ĐỒ DẪN: KẾ TẠO BỐ LẠCH, P. TÂN HỢP,
TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

KẾ TẠO MỤC

TỔNG THỂ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

Số Hạng

Sheet

TT-01

CÔNG TY TNHH TV-TK-XD TRUNG DŨNG SÀI GÒN

THIẾT KẾ ĐÃ KIỂM TRA

Theo văn bản thẩm tra số:...../ngày.....
Bình Dương, ngày.....tháng.....năm.....

CÁN BỘ THẨM TRA

KS. Nguyễn Duy Dũng

1	NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 30.5 x 54.4 = 1659.2 m ²
2	NHÀ VĂN PHÒNG HIỆN HỮU 15 x 20 = 300 m ²
3	NHÀ ẨM NGHỈ HIỆN HỮU 10 x 25 = 250 m ²
4	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU 4 x 11.5 = 46 m ²
5	NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 30.5 x 54.4 = 1659.2 m ²
6	NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 30.5 x 30 = 915 m ²
7	NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU 30.5 x 54.4 = 1659.2 m ²
8	NHÀ XƯỞNG CẢI TẠO 30.5 x 24.4 = 744.2 m ²
9	NHÀ KHO XÂY MỚI 15 x 45 = 675 m ²

HỘI CỘNG AN
CẢNH SÁT PCCC TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐÃ THẨM DUYỆT

VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Số 195, ngày 17/3/2016

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

HỒ SƠ

CẤP PHÉP XÂY DỰNG

Đính kèm theo Giấy phép số: 906/GPKD

Ngày 05 tháng 4 năm 2016

CB KIỂM TRA (Ghi tên): Thắng

SỞ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 905/SA2-THXD

Ngày, tháng, năm: 05/4/2016

Ký tên: Thắng

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

SƠ ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Đường ống thu gom và thoát nước thải

Hố ga thoát nước thải

NT01 Nước thải sau HTXL

HTXLN

Nhà VS

NHÀ XƯỞNG
HIỆN HỮU
现有厂房

NHÀ XƯỞNG
HIỆN HỮU
现有厂房

NHÀ XƯỞNG
HIỆN HỮU
现有厂房

NHÀ XƯỞNG
HIỆN HỮU
现有厂房

NHÀ XƯỞNG
HIỆN HỮU
现有厂房

NT01